

## THÔNG BÁO

### Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long tại buổi làm việc với lãnh đạo các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN CHỖ: C  
Ngày: 04.14.1.20.25

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long đã chủ trì buổi làm việc với lãnh đạo các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xuất nhập khẩu, xây dựng hạ tầng, nhà ở xã hội, xóa nhà tạm, nhà dột nát, các chương trình mục tiêu quốc gia, thực hiện các kịch bản tăng trưởng. Cùng dự buổi làm việc có lãnh đạo các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, đại diện các Bộ, cơ quan: Công an, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Dân tộc và Tôn giáo, Văn phòng Chính phủ.

Sau khi nghe lãnh đạo các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang trình bày báo cáo; ý kiến của các đại biểu dự buổi làm việc, Phó Thủ tướng Chính phủ kết luận như sau:

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ biểu dương sự quyết tâm, cố gắng, nỗ lực của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang trong việc triển khai các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và những kết quả đạt được trong những tháng đầu năm 2025, trong đó nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đạt cao hơn mức bình quân cả nước.

#### I. Về tình hình kinh tế - xã hội 3 tháng đầu năm 2025

##### 1. Tỉnh Hậu Giang

Tỉnh đã tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh và quản trị hiệu quả kinh doanh của các thành phần kinh tế. Tình hình kinh tế - xã hội đạt được một số kết quả tích cực, trong đó: Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tăng 10,82%; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 11,15%; sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khá toàn diện; phòng, chống hạn mặn được kiểm soát; tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước đạt 11.906 tỷ đồng, tăng 19,79%. Tỉnh có 159 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 15% với tổng vốn đăng ký 657 tỷ đồng, tăng 37%. Tổng thu ngân sách nhà nước 2 tháng đầu năm 2025 đạt hơn 2.700 tỷ đồng, tăng 6,06%.

Tuy nhiên, quy mô kinh tế của Hậu Giang còn nhỏ, chủ yếu phát triển về nông nghiệp; kết quả thu hút đầu tư trong các lĩnh vực năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghệ cao, thu hút các nhà đầu tư lớn có tiềm lực, uy tín sẵn sàng đầu tư vào tỉnh vẫn còn hạn chế; giá nhiều nguyên vật liệu tăng đột biến làm tăng chi phí thực hiện dự án.

## 2. Tỉnh Kiên Giang

Tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều khởi sắc, môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp hoạt động trở lại tăng 20% so với cùng kỳ. Thực hiện tốt công tác kiểm soát, phòng chống hạn mặn, điều tiết nguồn nước để bảo vệ và phục vụ cho sản xuất. Chỉ số phát triển công nghiệp tăng 23,8%, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 12.407,35 tỷ đồng, tăng 15,32%; sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 49.962 tấn, tăng 23,4%; không có tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 15,64%; tổng lượt khách đến tham quan du lịch tăng 13,7% (trong đó tại thành phố Phú Quốc tăng 25,1%).

Bên cạnh đó, Tỉnh vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc: Kiên Giang ở vị trí có nguy cơ cao về sạt lở bờ sông bờ biển, hạn hán xâm nhập mặn, để đạt được mức tăng trưởng cao địa phương cần xác định rõ các giải pháp để hoàn thành mục tiêu đề ra. Một số ngành sản xuất gặp khó khăn do giá đầu vào tăng cao và thị trường tiêu thụ chậm. Thời tiết diễn biến bất thường, mưa trái mùa ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Nhiều dự án tồn đọng, vướng mắc chưa được giải quyết dứt điểm liên quan đến thủ tục đất đai, điều chỉnh quy hoạch...Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thuộc nhóm cuối.

## II. Về triển khai các nhiệm vụ tại Công điện số 14/CĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ:

### 1. Tỉnh Hậu Giang

- Về Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2025: Tốc độ tăng trưởng (GRDP) năm 2024 đạt 8,76% (đứng thứ 15/63 địa phương). Tại Nghị quyết 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025, Chính phủ giao mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 cho Hậu Giang là 8,8%, Tỉnh đã xây dựng kịch bản tăng trưởng cao hơn là 10,14% (trong đó: khu vực I tăng 3,38%, khu vực II tăng 17,71%, khu vực III tăng 7,84%).

- Về giải ngân vốn đầu tư công: Năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước là 4.939,052 tỷ đồng<sup>1</sup>, đến nay, Tỉnh đã cơ bản phân bổ chi tiết hết số vốn đã giao. Tính đến hết tháng 2 năm 2025, số vốn giải ngân đạt 11%<sup>2</sup> so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn bình quân chung cả nước.<sup>3</sup>

- Về phát triển nhà ở xã hội: Chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội được Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2021 - 2030 là 1.400 căn hộ (trong đó giai đoạn 2021 - 2025 là 700 căn hộ). Hiện đã hoàn thành 198 căn; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện phân đấu đến năm 2030 xây dựng 1.572 căn nhà ở xã hội.

- Về xóa nhà tạm, nhà dột nát: Tổng số 1.475 hộ đề nghị hỗ trợ nhà ở (xây dựng mới 829 hộ và sửa chữa là 646 hộ). Tính đến hết ngày 18 tháng 3 năm 2025, toàn tỉnh đã khởi công xây dựng được 1.068/1.475 căn, đạt tỷ lệ 72,41%.

<sup>1</sup> Số liệu theo báo cáo của Bộ Tài chính tại buổi làm việc với các tỉnh: Hậu Giang, Kiên Giang (ngày 20/3/2025)

<sup>2</sup> Số liệu theo báo cáo của Bộ Tài chính tại buổi làm việc với các tỉnh: Hậu Giang, Kiên Giang (ngày 20/3/2025)

<sup>3</sup> Tỷ lệ giải ngân cả nước là 7,32%

- Về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính: Năm 2023, Hậu Giang có 3 chỉ số tăng hạng như: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp hạng 19/63 địa phương (tăng 1 bậc); Chỉ số hài lòng (SIPAS) xếp hạng 29/63 (tăng 4 bậc); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp hạng 9/63 (tăng 4 bậc).

- Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

## 2. Tỉnh Kiên Giang

- Về Kích bản tăng trưởng kinh tế năm 2025: Tốc độ tăng trưởng (GRDP) năm 2024 đạt 7,5%, cao hơn bình quân chung của cả nước. Tại Nghị quyết 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025, Chính phủ giao mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 cho Kiên Giang là 8%, Tỉnh đã xây dựng kịch bản tăng trưởng trong đó: khu vực I tăng 3,78%, khu vực II tăng 11,89%, khu vực III tăng 10,24%.

- Về giải ngân vốn đầu tư công: Năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước là 8.617,498<sup>4</sup>, đến nay, Tỉnh đã cơ bản phân bổ chi tiết hết số vốn đã giao. Tính đến hết tháng 2 năm 2025, số vốn giải ngân đạt 7,65%<sup>5</sup> so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn bình quân chung cả nước.

- Về phát triển nhà ở xã hội: Chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội được Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2021 - 2030 là 3.500 căn hộ, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 là 1.700 căn hộ, hiện đã hoàn thành 1.011 căn, đạt 59,5% kế hoạch. Dự kiến đến hết năm 2025, sẽ tổ chức khởi công 2.406 căn.

- Về xóa nhà tạm, nhà dột nát: Mục tiêu đến hết năm 2025 hỗ trợ cất mới 2.314 căn<sup>6</sup>, sửa chữa 485 căn<sup>7</sup>; đã khởi công xây dựng mới 920/2.314 căn, đạt 39,76% (hoàn thành và bàn giao 567 căn, đạt 31,63%), khởi công sửa chữa 326/485 căn, đạt 67,22% (hoàn thành và bàn giao 90 căn, đạt 27,61%). Tổng kinh phí hoàn thành là 153,39 tỷ đồng.

- Về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính: Năm 2023, Kiên Giang có 4 chỉ số tăng hạng như: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp hạng 40/63 địa phương (tăng 1 bậc); Chỉ số hài lòng (SIPAS) xếp hạng 17/63 (tăng 7 bậc); Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) xếp hạng 56/63 (tăng 1 bậc); Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) xếp hạng 44/63 (tăng 9 bậc).

- Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Tỉnh ủy Kiên Giang đã ban hành Nghị quyết số 82-

<sup>4</sup> Số liệu theo báo cáo của Bộ Tài chính tại buổi làm việc với các tỉnh: Hậu Giang, Kiên Giang (ngày 20/3/2025)

<sup>5</sup> Số liệu theo báo cáo của Bộ Tài chính tại buổi làm việc với các tỉnh: Hậu Giang, Kiên Giang (ngày 20/3/2025)

<sup>6</sup> 989 căn hộ nghèo, 1.325 căn hộ cận nghèo

<sup>7</sup> 326 hộ nghèo, 132 hộ cận nghèo

NQ/TU ngày 27/2/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Phó Thủ tướng Chính phủ ghi nhận, đánh giá cao sự quyết tâm, cố gắng, nỗ lực của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh trong việc triển khai các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và đạt được kết quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần vào kết quả chung của cả nước trong những tháng đầu năm 2025.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

Để tiếp tục tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, giải ngân vốn đầu tư công, xây dựng hạ tầng, xuất nhập khẩu, xây dựng nhà ở xã hội, xóa nhà tạm, nhà dột nát, các chương trình mục tiêu quốc gia, đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đã đề ra, Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

#### **1. Đối với các địa phương:**

- Tập trung quyết liệt sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và sắp xếp địa giới hành chính theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương. Hoàn thiện nội dung báo cáo theo đúng chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 2255/VPCP- QHĐP ngày 18 tháng 3 năm 2025, trong đó xây dựng chương trình, kế hoạch bảo đảm mục tiêu tăng trưởng theo chỉ tiêu Chính phủ giao; chú trọng thế mạnh nông nghiệp của vùng đồng bằng sông Cửu Long để tăng tỷ lệ tăng trưởng của khu vực I (*nông, lâm nghiệp, thủy sản*); xác định cụ thể nguồn lực xã hội, kinh phí nhà nước, phần tăng thu của địa phương, yếu tố tăng năng suất, các dự án mới để tăng tính khả thi trong thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng.

- Tập trung cao độ giải ngân vốn đầu tư công, vừa tháo gỡ những nút thắt về hạ tầng, vừa đẩy nhanh tiến độ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài (đầu tư nước ngoài trực tiếp và đầu tư nước ngoài gián tiếp). Phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân, lấy kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng nhất thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Thống kê, phân loại, rà soát các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai của từng dự án, giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tạo nguồn lực, dư địa cho phát triển; chủ động làm việc với các bộ, cơ quan để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền. Nghiên cứu, bám sát, cập nhật các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật để kịp thời điều chỉnh phù hợp trong xây dựng chính sách, triển khai thực hiện tại địa phương. Chủ động tham mưu, đề xuất với các bộ, cơ quan trung ương, cấp có thẩm quyền phương hướng xử lý đối với những cơ chế, chính sách bất cập, vướng mắc, hạn chế khi triển khai trong thực tiễn.

- Đẩy mạnh hơn nữa xóa nhà tạm, nhà dột nát. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu Chính phủ giao xây dựng nhà ở xã hội đến năm 2030, bảo đảm công khai, minh bạch, hỗ trợ hiệu quả cho người mua nhà, thuê nhà.

**2. Các Bộ:** Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương có văn bản hướng dẫn, trả lời những vướng mắc, đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (Phụ lục I kèm theo)<sup>8</sup>, tránh việc trả lời chung chung, không rõ hoặc chỉ viện dẫn các quy định pháp luật hiện hành, hoàn thành trong tháng 4 năm 2025.

#### **IV. VỀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

##### **1. Kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang**

a) Về chuẩn bị đầu tư dự án cao tốc đường bộ Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu trước năm 2030: Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các địa phương có liên quan, tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Về hỗ trợ cơ chế thu hút phát triển logistics theo định hướng Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị: Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang trong các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút các doanh nghiệp có năng lực tài chính, công nghệ, quản trị, thị trường vào phát triển logistics trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

c) Về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giao Bộ Tài chính phối hợp với Văn phòng Chính phủ hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 4 năm 2025.

d) Về việc mở rộng thêm quy định được đầu tư nhà ở xã hội là nhà ở riêng lẻ tại khu vực phù hợp với thực tế nhu cầu của người dân: Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang thực hiện theo quy định hiện hành.

##### **2. Kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang**

a) Về việc bổ sung quy định, quy trình và hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án nuôi biển<sup>9</sup>: Giao Bộ Tài chính nghiên cứu, khẩn trương có văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (gửi văn bản trả lời địa phương trước ngày 15 tháng 4 năm 2025), trường hợp vượt thẩm quyền, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 4 năm 2025.

b) Về đề nghị tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính không cần thiết trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách (sau khi dự án được cấp chủ trương đầu tư), cụ thể như sau:

<sup>8</sup> Thông báo kết luận số 507/TB-VPCP ngày 5 tháng 11 năm 2024

<sup>9</sup> Căn cứ khoản 4 Điều 1 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 và khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 thì dự án nuôi biển không thuộc trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định, hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án nuôi biển.

- Về hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng, thẩm định thiết kế cơ sở, xin phép xây dựng: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang làm rõ nội dung cụ thể đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gửi Bộ Xây dựng nghiên cứu, xử lý theo thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 năm 2025.

- Về thủ tục giao đất cho thuê đất (công tác xác định giá giao đất, cho thuê đất, công tác xác định giá và tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng); môi trường:

Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý rõ ràng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 năm 2025.

- Về phòng cháy chữa cháy: Giao Bộ Công an nghiên cứu, tổng hợp kiến nghị của tỉnh Kiên Giang trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 năm 2025.

c) Về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản (trong đó quan tâm quy định chính sách hỗ trợ đối với người dân, doanh nghiệp nuôi biển xa bờ và đối tượng chuyển đổi từ nghề khai thác thủy sản sang nuôi biển, hoặc chuyển đổi từ bè lồng nuôi truyền thống (kết cấu gỗ) sang lồng bè nhựa HDPE,...):

Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, tổng hợp kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ ban hành trước ngày 15 tháng 4 năm 2025.

d) Về việc xem xét, sửa đổi thời gian chưa tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024)<sup>10</sup> chỉ được tính sau khi kết thúc 180 ngày kể từ thời điểm định giá đất<sup>11</sup>. Bổ sung quy định: (1) Làm rõ nguyên tắc xác định giá đất đối với các dự án có thời gian miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, để đảm bảo tính thống nhất trong thực hiện. Ngoài ra, hiện nay chưa rõ thời điểm nào là thời điểm quyết định việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. (2) Việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất có được ghi trực tiếp trong quyết định giao đất, cho thuê đất hay phải có văn bản riêng? Đối với các trường hợp được miễn tiền thuê đất trong một số năm (*như miễn tiền trong thời gian xây dựng cơ bản hoặc miễn tiền tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn*), việc xác định miễn tiền sẽ được thực hiện vào thời điểm nào: tại thời điểm giao đất, cho thuê đất; tại thời điểm xác định giá đất; hay tại thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất? Cơ quan nào chịu trách nhiệm xác định và thực hiện việc miễn tiền thuê đất?:

<sup>10</sup> Theo quy định, thời gian xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là 180 ngày kể từ thời điểm định giá đất. Tuy nhiên, quy định hiện hành lại tính cả khoảng thời gian này vào thời gian chưa nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để áp dụng mức thu bổ sung 5,4%/năm là chưa hợp lý vì việc định giá đất do cơ quan nhà nước thực hiện, không phải lỗi của người sử dụng đất. Ngoài ra tính khoản thu bổ sung dựa trên toàn bộ số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà không tính đến các khoản ưu đãi đầu tư hoặc khoản tiền nhà đầu tư đã ứng trước để bồi thường, hỗ trợ tái định cư, điều này có thể gây bất lợi cho nhà đầu tư.

<sup>11</sup> Điều này nhằm tránh việc người sử dụng đất phải chịu thêm khoản thu bổ sung không hợp lý do thời gian định giá đất kéo dài. Đồng thời, số tiền nộp bổ sung chỉ được tính trên số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sau khi đã trừ các khoản ưu đãi đầu tư và khoản tiền nhà đầu tư đã ứng trước để bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, có văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng các đề xuất, kiến nghị của địa phương (gửi văn bản trả lời địa phương trong tháng 4 năm 2025); đối với những bất cập, vướng mắc về pháp luật đất đai nêu trên, báo cáo Thủ tướng Chính phủ những nội dung vượt thẩm quyền trong tháng 4 năm 2025, đề xuất phương án xử lý để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương.

đ) Về điều chỉnh biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình xây dựng trước thời hiệu của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ: (1) Cho phép quy đổi giá trị khối lượng tầng đất mặt thành tiền để tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính thay vì bắt buộc bóc tách. (2) Nguồn kinh phí thu được sẽ phục vụ cải tạo, phục hồi đất nông nghiệp, đảm bảo không gây thất thoát tài nguyên đất:

Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu kiến nghị, đề xuất phương án xử lý rõ ràng, tránh để tình trạng thất thoát, lãng phí, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 năm 2025.

e) Về việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính theo hướng cho phép chi hỗ trợ làm nhà cho "người cận nghèo" từ nguồn Xổ số kiến thiết: Giao Bộ Tài chính nghiên cứu, xử lý kiến nghị, trường hợp vượt thẩm quyền, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 4 năm 2025.

h) Về hướng dẫn thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ: Giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương trong tháng 4 năm 2025; trường hợp vượt thẩm quyền, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 4 năm 2025.

i) Về việc hướng dẫn tháo gỡ các dự án khó khăn, vướng mắc của tỉnh Kiên Giang thuộc 04 nhóm: (1) Chuyên tiếp giữa quy định cũ và quy định mới; (2) Dự án vướng mắc các quy định về giao khu vực biên; (3) Các dự án liên quan thủ tục đất đai trên địa bàn thành phố Phú Quốc do cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch; (4) Việc xác định thẩm quyền và trình tự thực hiện dự án Khu đô thị, khu dân cư<sup>12</sup>:

Các Bộ, cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao (Phụ lục II kèm theo), nghiên cứu, khẩn trương có văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng các đề xuất, kiến nghị của địa phương (gửi văn bản trả lời địa phương có kiến nghị trong tháng 4 năm 2025), trường hợp vượt thẩm quyền, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định

<sup>12</sup> Chi tiết tại Danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc dự án đầu tư ngoài ngân sách kèm theo Báo cáo số 117/BC-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Kiên Giang

V. Đối với các dự án Ủy ban nhân dân các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang đã giải quyết nhưng vẫn còn vướng mắc, tồn đọng do cơ chế, chính sách pháp luật hoặc vượt thẩm quyền giải quyết thì các tỉnh chủ động rà soát, báo cáo cụ thể những khó khăn, vướng mắc của từng dự án, gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 4 năm 2025 để tổng hợp chung các địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6 năm 2025.

VI. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Thông báo này (trước ngày 30 tháng 6 năm 2025).

Văn phòng Chính phủ thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và các Bộ, cơ quan liên quan biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TTgCP, các PTTgCP (để b/c);
- Các Bộ: Công an, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Công Thương;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hậu Giang;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Kiên Giang;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, CP, Thư ký của PTTgCP Lê Thành Long; các Vụ: CN, KTTH, NN, KGVX, TH, PL;
- Lưu: Văn thư, QHĐP (2b). Huyện 16

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**



**Phạm Mạnh Cường**





## Phụ lục I

**Các kiến nghị chưa xử lý xong tại Thông báo số 507/TB-VPCP ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ**

*(Kèm theo Thông báo số 151/TB-VPCP ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ)*

### I. Bộ Tài chính chủ trì, xử lý

1. Về việc hỗ trợ kinh phí đầu tư xử lý sạt lở bờ biển, phòng chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để khép kín tuyến kè ven biển và đầu tư hoàn thiện khép kín hệ thống cống kiểm soát mặn hạ lưu cống Cái Lớn - Cái Bé.

2. Về việc đầu tư kéo điện lưới quốc gia cho 02 xã đảo An Sơn và Nam Du, huyện Kiên Hải và sớm bố trí vốn kéo điện lưới quốc gia cho xã đảo Thổ Châu, thành phố Phú Quốc.

3. Về xem xét quy định tại điểm b khoản 1 Điều 73 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP quy định chuyển tiếp đối với các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP đối với các trường hợp mà quy định pháp luật trước đây có yêu cầu phải thực hiện sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư và đã có kết quả trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 thì được tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo, nhưng phải hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2025; hướng dẫn vướng mắc của dự án Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang<sup>1</sup>.

### II. Bộ Xây dựng chủ trì, xử lý

1. Về đầu tư đường cao tốc trục ngang Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, trong đó ưu tiên đầu tư đoạn Hà Tiên - Rạch Giá trong giai đoạn 2025-2030.

2. Về việc phân cấp công trình đối với trụ sở UBND, HĐND tỉnh trong trường hợp sửa chữa, cải tạo nhưng không làm thay đổi quy mô, kết cấu công trình thì không áp dụng cấp công trình cấp 1 để tạo điều kiện thuận lợi trong lập thủ tục chuẩn bị đầu tư, tiêu chí lựa chọn nhà thầu và nghiệm thu: Giao Bộ Xây dựng trình Chính phủ Nghị định thay thế Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

**Vướng mắc:** Ngày 30/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. Tuy nhiên, do **Bộ Xây dựng chưa sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021** quy định về phân cấp công trình xây

<sup>1</sup> Bộ KHĐT đã có văn bản số 10075/BKHĐT-QLĐT ngày 06/12/2024 trả lời về nội dung chuyển tiếp Dự án Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tuy nhiên **văn bản hướng dẫn chưa cụ thể rõ ràng, vì vậy vướng mắc chưa được giải quyết.**

dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng như kiến nghị của tỉnh Kiên Giang vì vậy Tỉnh chưa thực hiện được.

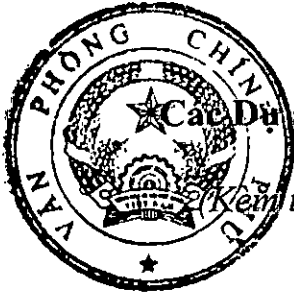
### **III. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, xử lý<sup>2</sup>**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và các cơ quan liên quan nghiên cứu, thống nhất đề xuất phương án thực hiện nhiệm vụ hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc, bảo đảm khả thi, thống nhất, đồng bộ giữa các quy định, chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, địa phương, ***báo cáo cấp có thẩm quyền trong tháng 11 năm 2024.***

2. Về việc hướng dẫn thực hiện quy định tại điểm a, khoản 1, điều 41, Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan tổng hợp kiến nghị của UBND tỉnh Kiên Giang và các địa phương gặp vướng mắc tương tự, ***trong tháng 11 năm 2024 có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện đúng quy định.***

---

<sup>2</sup> UBND tỉnh Kiên Giang chưa nhận được văn bản trả lời 02 kiến nghị này của Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT).



## Phụ lục II

**Dự án khó khăn, vướng mắc dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước của tỉnh Kiên Giang**

*(Kèm theo Thông báo số 151/TB-VPCP ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ)*

### I. Bộ Tài chính chủ trì, xử lý

**1. Về Dự án Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng tại xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (vướng mắc, khó khăn chuyển tiếp giữa quy định cũ và quy định mới).**

**a) Khó khăn, vướng mắc:** Chưa ký đàm phán, ký hợp đồng triển khai Dự án Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng tại xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**b) Nguyên nhân:** Theo quy định chuyển tiếp tại điểm b Khoản 1 Điều 73 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất “1. Quy định chuyển tiếp đối với dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 30/2015/NĐ-CP) “b) Đối với dự án đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo quy định của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP nhưng đến ngày 01 tháng 8 năm 2024 chưa có nhà đầu tư nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thì dừng việc lựa chọn nhà đầu tư”.

Trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất thực hiện dự án vào ngày 05/8/2024 (sau ngày 01/8/2024), do đó, áp dụng quy định chuyển tiếp tại điểm b khoản 1 Điều 73 và phải dừng lựa chọn nhà đầu tư.

Theo đó, tại **điểm b khoản 1 Điều 73** quy định chuyển tiếp Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ không quy định thời gian nhận hồ sơ dự thầu và hồ sơ đề xuất kể từ ngày nghị định này có hiệu lực mà còn quy định thời gian trước đây (thời gian ngược “ngày 01/8/2024) trong khi nghị định này có hiệu lực ngày 16/9/2024. Dẫn đến khó khăn trong việc xác định áp dụng điều khoản chuyển tiếp đối với các dự án nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất sau ngày 01/8/2024 và đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày nghị định có hiệu lực (ngày 16/9/2024).

Tiếp theo quy định Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15.

Tại khoản 3 Điều 1 Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 255 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định: “10. Các dự án đầu tư thuộc trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai số 45/2013/QH13, pháp luật có liên quan và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất mà chưa được

giao đất, cho thuê đất thì được tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo trong trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất để giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư; chủ đầu tư theo quy định của Luật này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây "b) Dự án mà nhà đầu tư đã nộp hồ sơ hợp lệ để thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, chủ đầu tư trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 và đã lựa chọn được nhà đầu tư, chủ đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Việc lựa chọn nhà đầu tư, chủ đầu tư đối với dự án quy định tại điểm này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở, pháp luật về đấu thầu có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ."

### **c) Kiến nghị, đề xuất**

Kiến nghị Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ, xem xét, tháo gỡ khó khăn dự án nêu trên.

Đề nghị Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ cho phép Dự án Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng tại xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tiếp tục triển khai ký đàm phán và ký hợp đồng thực hiện dự án<sup>1</sup>.

## **2. Chuyển tiếp Luật Đầu tư năm 2014, 2024.**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn một số dự án có chủ trương đầu tư từ năm 2014, nhưng đến nay chưa được quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014, 2024; Nhà đầu tư đã thực hiện thủ tục đầu tư (*quy hoạch chi tiết, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, giải phóng mặt bằng,...*). Tuy nhiên, điều khoản chuyển tiếp các Luật Đầu tư năm 2014, 2024 chưa có quy định; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc*) đã có văn bản đề nghị Bộ Tài chính (*nay là Bộ Tài chính*) hướng dẫn nhưng không xác định được hướng giải quyết.

Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho các dự án nêu trên.

**II. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu xử lý kiến nghị:**

**Việc xác định thẩm quyền và trình tự thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư:** (1) Dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (*Khu dân cư lấn biển Trần Quang Khải*); (2) Dự án Khu đô thị Phú Cường Phú Quý (*Dự án lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi*)

### **1. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.**

<sup>1</sup> Bộ KHĐT đã có văn bản số 10075/BKHĐT-QLĐT ngày 06/12/2024 trả lời về nội dung chuyển tiếp Dự án Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tuy nhiên văn bản hướng dẫn chưa cụ thể rõ ràng, vì vậy vướng mắc chưa được giải quyết.

- Dự án thuộc trường hợp được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư 2014. Dự án đã được Sở Xây dựng có ý kiến thẩm định theo quy định khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định chủ trương đầu tư là đúng theo thẩm quyền theo quy định và trình tự thực hiện<sup>2</sup>.

## **2. Về việc không thực hiện đấu giá đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.**

- Khu vực thực hiện dự án có hiện trạng là mặt nước biển, chưa hình thành quỹ đất, không đủ cơ sở để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất<sup>3</sup>.

Đồng thời, tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư, chỉ có 01 (một) nhà đầu tư (*Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang*) đăng ký thực hiện dự án. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định chọn Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang là nhà đầu tư không thông qua đấu giá là đúng quy định<sup>4</sup>.

- Về việc điều chỉnh pháp nhân thực hiện dự án không thông qua đấu giá, năm 2021, Công ty CPĐT Phú Cường Kiên Giang thành lập Công ty TNHH MTV Phú Cường Hoàng Gia (100% vốn thuộc Công ty CPĐT Phú Cường Kiên Giang) để quản lý, triển khai đầu tư, xây dựng,... các dự án phù hợp theo quy định tại Điều 38 Nghị định 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính Phủ, không phải thực hiện đấu thầu chọn nhà đầu tư.

Việc thành lập công ty con để quản lý, triển khai đầu tư, xây dựng,... các dự án không làm mất đi quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trong thực hiện các dự án đầu tư.

## **3. Về năng lực tài chính trong thực hiện các dự án đầu tư.**

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang, tại thời điểm quyết định chủ trương đầu tư (*tháng 5 năm 2019*), Công ty đang thực hiện 04 dự án<sup>5</sup>, với tổng vốn đầu tư là 4.154,31 tỷ đồng. Yêu cầu vốn chủ sở hữu tối thiểu đảm bảo năng lực tài chính thực hiện dự án theo quy định là 646,4 tỷ đồng<sup>6</sup>.

Theo Báo cáo tài chính năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty CPĐT Phú Cường Kiên Giang là hơn 537 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường có Văn bản số 19/2019/CKTC ngày 20/5/2019 cam kết tăng vốn chủ sở hữu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang với số vốn 150 tỷ đồng. Như vậy, năng lực tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang là 687 tỷ đồng,

<sup>2</sup> Theo quy định tại khoản 2, Điều 170 của Luật Nhà ở.

<sup>3</sup> Theo quy định Nghị định 30/2015/NĐ-CP, trường hợp đấu thầu các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao,...

<sup>4</sup> tại Điểm a, khoản 4 Điều 22 Luật Đấu thầu năm 2014 quy định: "*Chỉ định thầu đối với nhà đầu tư được áp dụng trong các trường hợp, chỉ có một nhà đầu tư đăng ký thực hiện*".

<sup>5</sup> Dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia, vốn đầu tư là 1.516,31 tỷ đồng; Dự án đầu tư Quần thể Quảng trường Biển và khách sạn Phú Gia, vốn đầu tư 383 tỷ đồng; Dự án đầu tư Chợ An Hòa, vốn đầu tư 83 tỷ đồng; Dự án đầu tư Khu đô thị Phú Quý, vốn đầu tư khoảng 2.172 tỷ đồng.

<sup>6</sup> Dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia là 227,4 tỷ đồng (15%); Dự án đầu tư Quần thể Quảng trường Biển và khách sạn Phú Gia là 76,6 tỷ đồng (20%); Dự án đầu tư Chợ An Hòa là 16,6 tỷ đồng (20%); Dự án đầu tư Khu đô thị Phú Quý là 325,8 tỷ đồng (15%).

đáp ứng điều kiện vốn chủ sở hữu tối thiểu theo quy định, đảm bảo năng lực tài chính thực hiện dự án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư<sup>7</sup>.

- Đối với Công ty TNHH MTV Phú Cường Hoàng Gia, Công ty có vốn điều lệ 116 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang (là Công ty mẹ) có cam kết hỗ trợ vốn<sup>8</sup> 228 tỷ đồng (Hai trăm hai mươi tám tỷ đồng). Như vậy, năng lực tài chính của Công ty TNHH MTV Phú Cường Hoàng Gia là 344 tỷ đồng, đáp ứng điều kiện vốn chủ sở hữu tối thiểu 15% theo quy định<sup>9</sup>, đảm bảo năng lực tài chính thực hiện dự án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư<sup>6</sup>.

### **III. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, xử lý kiến nghị**

#### **Các dự án liên quan về quy hoạch, thủ tục đất đai trên địa bàn thành phố Phú Quốc (190 dự án):**

Thời gian qua, Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc cấp nhiều chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện dự án, trong đó có 190 dự án còn vướng mắc, khó khăn về quy hoạch, thủ tục đất đai.

**1. Nguyên nhân khó khăn, vướng mắc:** Theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, đã thay đổi chức năng sử dụng đất dẫn đến mục tiêu đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của một số dự án thay đổi, cụ thể:

(1) Từ đất dịch vụ du lịch thành khu đất đô thị du lịch hỗn hợp phát triển mới, đất dịch vụ du lịch; Khu đất đô thị du lịch hỗn hợp phát triển mới, mật độ cao, khu đất hỗn hợp hiện trạng cải tạo, chỉnh trang; Khu đất đô thị sinh thái, mật độ thấp, khu đất cây xanh cảnh quan, công viên, quảng trường, không gian mở công cộng.

(2) Từ đất ở nông thôn, đất ở mật độ thấp, đất ở mật độ cao thành khu đất đô thị du lịch hỗn hợp phát triển mới; khu đất hỗn hợp hiện trạng cải tạo, chỉnh trang; Khu đất đô thị du lịch hỗn hợp phát triển mới, mật độ cao, khu đất dịch vụ-công cộng.

Hiện nay, đang tổ chức lập 20 Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cho phù hợp với Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040. Mặt khác, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Xây dựng liên quan đến trường hợp thu hồi đất theo Khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai 2024.

<sup>7</sup> c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

<sup>8</sup> Văn bản Cam kết Tài chính số 03/2020/CKTC ngày 19/8/2020, hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Phú Cường Hoàng Gia với số tiền 228.000.000.000 VNĐ (Hai trăm hai mươi tám tỷ đồng).

<sup>9</sup> tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Do đó, chưa có cơ sở xác định chính xác các trường hợp: không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 hoặc thuộc trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế-xã hội thông qua thoả thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất theo Điều 127 Luật Đất đai năm 2024.

## **2. Kiến nghị:**

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Xây dựng sớm có văn bản hướng dẫn liên quan đến trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng theo khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai 2024: “(27) *Thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; dự án khu dân cư nông thôn*”.

- Đối với các dự án không phù hợp với Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040; Đối với các dự án phù hợp với Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và không thuộc trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai 2024. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ, ngành Trung ương sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể nội dung trên.

## **IV. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, xử lý**

**Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn (Dự án vướng mắc các quy định về giao khu vực biển)**

**1. Khó khăn, vướng mắc:** Dự án chưa được triển khai do chưa giao khu vực biển cho Công ty.

**2. Nguyên nhân:** Ngày 20/8/2021, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 2044/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, việc xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm trên địa bàn huyện Kiên Hải chưa có quy định, nên chưa có cơ sở xác định ranh giới, phạm vi giao khu vực biển cho Công ty thực hiện dự án.

**3. Đề xuất, kiến nghị:** Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để làm cơ sở xác định ranh giới, phạm vi giao khu vực biển cho Công ty thực hiện dự án.

## BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2025; tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang 02 tháng đầu năm 2025**

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Công điện số 14/CĐ-TTg ngày 11/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức đoàn công tác của các Thành viên Chính phủ làm việc với các địa phương để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng năm 2025; Công văn số 1737/VPCP-QHĐP ngày 04/3/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc chuẩn bị cho buổi làm việc của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long với các địa phương: Kiên Giang, Hậu Giang; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hậu Giang báo cáo tình hình thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2025; tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang 02 tháng đầu năm 2025 như sau:

### I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG NĂM 2025

Bám sát chỉ đạo, định hướng Trung ương, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cấp ủy, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, tỉnh Hậu Giang thực hiện hoàn thành toàn diện 18/18 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024, trong đó có 12 chỉ tiêu vượt kế hoạch<sup>[1]</sup>; có 06 chỉ tiêu đạt kế hoạch<sup>[2]</sup> nổi bật là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng 8,76% (kế hoạch 7,5%) xếp thứ 15 cả nước và thứ 2 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó: khu vực I tăng 3,38%, khu vực II tăng 16,57%, khu vực III tăng 6,68%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 0,42%; GRDP bình quân đầu người đạt 93,78 triệu đồng (kế hoạch 88,84 triệu đồng),

<sup>[1]</sup> Tốc độ tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân đầu người, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, thu ngân sách, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, số doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế, dân số, lao động, tỷ lệ hộ nghèo, giáo dục, y tế, tỷ lệ sử dụng nước sạch.

<sup>[2]</sup> Cơ cấu kinh tế, tỷ lệ đô thị hóa, nông thôn mới, tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thu gom và xử lý, quốc phòng và an ninh.



tương đương 3.751 USD; Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực I, tăng khu vực II. Khu vực I còn 21,41%, giảm 0,13%, khu vực II 39,89%, tăng 1,87%, khu vực III 32%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,7%; Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn 25.800 tỷ đồng (kế hoạch 24.970 tỷ đồng) vượt 3,32% kế hoạch; Thu ngân sách trên địa bàn 7.520 tỷ đồng (kế hoạch 7.500 tỷ đồng), vượt 0,27% kế hoạch; trong đó: thu nội địa 7.017 tỷ đồng (kế hoạch 6.800 tỷ đồng) vượt 3,19% kế hoạch; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 1.298 triệu USD (kế hoạch 1.268 tỷ đồng), vượt 2,34% kế hoạch. Trong đó: kim ngạch xuất khẩu và dịch vụ thu ngoại tệ 921 triệu USD (kế hoạch 850 triệu USD), vượt 8,39% kế hoạch; kim ngạch nhập khẩu 376 triệu USD (kế hoạch 418 triệu USD), đạt 90,03% kế hoạch.

Phát huy kết quả đạt được năm 2024; thực hiện Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; chuẩn bị cho Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Đảng bộ tỉnh Hậu Giang; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang ban hành Chương trình số 305-CTr/TU ngày 28/02/2025 về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng hai con số, trong đó đề ra mục tiêu cụ thể như sau:

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP tăng 10,14%, trong đó: khu vực I tăng 3,38%, khu vực II tăng 17,71%, khu vực III tăng 7,84%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,98% so với cùng kỳ.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 107,97 triệu đồng, tương đương 4.234 USD, tăng 15,12% so với cùng kỳ.

(3) Cơ cấu kinh tế khu vực I: 20,55%, khu vực II: 41,56%, khu vực III: 31,79%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 6,11%. Tỷ trọng của khu vực I giảm 0,86%, khu vực II tăng 1,66% so với cùng kỳ.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn theo giá hiện hành 27.500 tỷ đồng, tăng 6,59% so với cùng kỳ.

(5) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 8.300 tỷ đồng, tăng 10,37% so với cùng kỳ, trong đó: thu nội địa 7.600 tỷ đồng, tăng 8,31% so với cùng kỳ.

(6) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 1.358 triệu USD, tăng 4,65% so với cùng kỳ. Trong đó: kim ngạch xuất khẩu 957 triệu USD, tăng 3,91% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu 401 triệu USD, tăng 6,44% so với cùng kỳ.

*(Đính kèm Phụ lục I và Phụ lục II)*

## II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ CÔNG, XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ XUẤT NHẬP KHẨU, CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

### 1. Tình hình sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Tập trung công tác chăm sóc vụ lúa Đông Xuân hiện đang giai đoạn mạ - trở chín, chăm sóc rau màu và cây ăn trái sau Tết<sup>[3]</sup>. Hiện nay nông dân đang có xu hướng chuyển sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế như mít, sầu riêng,... Tình hình sinh vật gây hại trên một số nhóm nông sản tăng so với tháng trước do thời tiết se lạnh, ẩm độ cao tạo điều kiện thích hợp cho sự phát sinh và phát triển của các loài sinh vật gây hại<sup>[4]</sup>.

Tình hình chăn nuôi phát triển tương đối ổn định<sup>[5]</sup>. Giá gà, vịt có tăng nhẹ do nhu cầu thực phẩm phục vụ Tết Nguyên đán. Riêng giá heo hơi liên tục tăng do nguồn cung chưa phục hồi hoàn toàn. Thị trường heo hơi hiện đang dao động từ 69.000 - 72.000 đồng/kg. Tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được kiểm soát, không xảy ra các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

Tổng diện tích nuôi thủy sản 2.080 ha<sup>[6]</sup>, tăng 0,75% so với cùng kỳ, tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 11.265 tấn, tăng 2,76% so với cùng kỳ.

Công tác quản lý lâm sản: Hiện tỉnh đang quản lý 15 cơ sở kinh doanh chế biến gỗ, 122 cơ sở cửa xẻ gỗ vườn, 384 hộ/1.281 hầm than được, 33 cơ sở mua bán củi trầm theo đúng quy định. Trong tháng, cửa xẻ được 193 m<sup>3</sup> gỗ vườn các loại; các vựa củi trầm nhập 19.500 cây, xuất 20.300 cây, tồn khoảng 2.200 cây trầm. Quản lý 408 cơ sở nuôi động vật rừng với 30.946 cá thể<sup>[7]</sup>.

<sup>[3]</sup>- Cây lúa: Lúa Đông Xuân 2024 - 2025 đã xuống giống được 73.767 ha, vượt 0,4% kế hoạch, giảm 0,8% so với cùng kỳ, với giống lúa gieo trồng chủ yếu như: Đài Thom 8, RVT, OM18, ST,... đã thu hoạch 409 ha.

- Cây mía niên vụ 2024 - 2025: đã xuống giống được 2.075 ha, đạt 65,9% kế hoạch, giảm 32,3% so với cùng kỳ, diện tích tập trung chủ yếu ở thành phố Ngã Bảy. Năng suất trung bình đạt 100 tấn/ha.

- Tổng diện tích cây ăn trái toàn tỉnh đạt 46.467 ha, tăng 1,5% so với cùng kỳ (45.800 ha), đạt 99,3% kế hoạch (46.800 ha). Tổng sản lượng đạt 487.585 tấn, đạt 94,5% kế hoạch, tăng 4,3% so với cùng kỳ.

- Diện tích rau màu: đã xuống giống được 11.992 ha, đạt 44% kế hoạch (27.000 ha), giảm 6,4% so với cùng kỳ. Thu hoạch đạt 26.438 ha, năng suất trung bình ước đạt 12,5 tấn/ha.

<sup>[4]</sup> Toàn tỉnh có 5.254 ha lúa (tăng 1.542 ha so với tháng trước) nhiễm sinh vật gây hại nhưng chủ yếu nhiễm nhẹ. Có 1.146 ha lúa mới xuống giống bị ngập úng chủ yếu ảnh hưởng từ 20% - 25% trên địa bàn huyện Vị Thủy, thị xã Long Mỹ; có 27 ha mía (tăng 07 ha so với tháng trước) trên địa bàn huyện Phụng Hiệp bị gây hại nhẹ; có 603 ha cây ăn trái (giảm 45 ha so với tháng trước). Một số loại cây trồng khác có bị ngập cục bộ ở vài vườn nhưng chưa ghi nhận thiệt hại năng suất. Ngành chức năng đã kịp thời chỉ đạo theo dõi khuyến cáo đến nông dân không trồng tự phát khi chưa có thị trường đầu ra ổn định, đồng thời tăng cường hỗ trợ nông dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật, phòng ngừa các loại sâu bệnh để tăng năng suất và đạt chất lượng cao.

<sup>[5]</sup> - Đàn trâu, bò: 5.690 con, trong đó đàn trâu 1.205 con, giảm 2,74% so với cùng kỳ; đàn bò 4.392 con, tăng 4,95% so với cùng kỳ.

- Đàn heo: 123.491 con, tăng 2,41% so với cùng kỳ.

- Đàn gia cầm: 4.511,36 ngàn con, tăng 0,66% so với cùng kỳ.

<sup>[6]</sup> Diện tích nuôi cá đạt 1.879,79 ha, tăng 0,77%, trong đó, diện tích nuôi cá thát lát đạt 53 ha, tăng 2,38%; diện tích nuôi tôm đạt 158,75 ha, tăng 1,70% tập trung nhiều ở huyện Long Mỹ; diện tích nuôi thủy sản khác đạt 41,71 ha, giảm 3,45%. Thê tích nuôi lươn đạt 4.914 m<sup>3</sup>, tăng 7,04% so với cùng kỳ.

<sup>[7]</sup> Trong đó, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES gồm có 11 loài với 18.863 cá thể và động vật rừng thông thường gồm có 06 loài với 12.083 cá thể, có 369 cơ sở nuôi đã được cấp mã số, mở sổ theo dõi để ghi chép khi tăng giảm đàn và khi xuất bán động vật rừng có lập Bảng kê lâm sản theo đúng quy định.

Các hợp tác xã (HTX), liên hiệp HTX<sup>[8]</sup> thường xuyên được quan tâm, hỗ trợ thụ hưởng các chính sách. Nhờ đó, giúp cho khu vực KTTT, HTX phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, đổi mới trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, giảm chi phí đầu vào, chủ động được thời vụ, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tăng doanh thu. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được quan tâm tổ chức thực hiện<sup>[9]</sup>.

Thường xuyên theo dõi chặt chẽ, cập nhật diễn biến thời tiết, tình hình thiên tai thông báo kịp thời cho người dân. Trong tháng, sạt lở gây thiệt hại 406 triệu đồng, lũy kế đã xảy ra 06 điểm sạt lở, chiều dài sạt lở 133 m, diện tích mất đất 740m<sup>2</sup>, ước thiệt hại là 626 triệu đồng.

### 1.2. Về công nghiệp

Tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi để ngành công nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất, phát huy tiềm năng, mở rộng quy mô sản xuất và tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động tại địa phương. Tại các khu cụm, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp các doanh nghiệp khởi động kế hoạch đẩy mạnh sản xuất ngay từ những tháng đầu năm với mục tiêu cao hơn về quy mô và chất lượng. Sau Tết Nguyên đán, các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã nhanh chóng khởi động trở lại. Trong đó, các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, giày da, dệt may, sản xuất giấy và sản xuất vật liệu xây dựng tiếp tục duy trì ổn định, bảo đảm cung ứng đầy đủ hàng hóa ra thị trường. Giá trị sản xuất công nghiệp tính theo giá so sánh 2010 ước thực hiện được 6.336 tỷ đồng, tăng 11,15% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp tính theo giá hiện hành ước thực hiện được 11.488 tỷ đồng, tăng 12,41% so với cùng kỳ. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 02 tháng đầu năm 2025 tăng 10,82% so với cùng kỳ<sup>[10]</sup>.

### 1.3. Về thương mại - dịch vụ - du lịch

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú, ăn uống và doanh thu các loại hình dịch vụ khác ước thực hiện được 11.906 tỷ đồng, tăng 19,79% so với cùng kỳ. Dự báo các nhóm hàng bán lẻ cùng các loại hình dịch vụ ăn uống sẽ có tốc độ tăng cao trong tháng 3, đặc biệt là các nhóm ngành hàng chủ lực sẽ đạt mức tăng trưởng cao do nhu cầu tiêu dùng cho các dịp Lễ sắp tới.

<sup>[8]</sup> Toàn tỉnh hiện có 294 hợp tác xã, với 8.854 thành viên và 13.443 lao động; vốn hoạt động trên 535,165 tỷ đồng; có 04 liên hiệp hợp tác xã, vốn hoạt động 7,9 tỷ đồng.

<sup>[9]</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 03 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành/đạt chuẩn nông thôn mới, 41/51 xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 80,39% (13 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 05 xã nông thôn mới kiểu mẫu). Sản phẩm OCOP tỉnh Hậu Giang đến nay là 348 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên (trong đó: có 03 sản phẩm 5 sao, chiếm 0,86%, 110 sản phẩm 4 sao, chiếm 31,61%, 235 sản phẩm 3 sao, chiếm 67,53%), với 159 chủ thể (Trong đó: có 24 Công ty, chiếm tỷ lệ 15,1%; Có 45 Hợp tác xã, chiếm tỷ lệ 28,3%; Có 90 cơ sở, hộ kinh doanh, chiếm tỷ lệ 56,6%).

<sup>[10]</sup> Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,65% so với cùng kỳ; ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 13,89% so với cùng kỳ; Ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 4,64% so với cùng kỳ.

Sau Tết tình hình kinh doanh của các cơ sở vận tải giảm do nhu cầu thuê xe đi du lịch, các xe khách tuyến cố định, lượng hàng hóa vận chuyển giảm nhiều so với tháng trước. Tổng doanh thu dịch vụ vận tải và kho bãi ước thực hiện được 376,43 tỷ đồng, tăng 23,20% so với cùng kỳ.

Hoạt động du lịch trên địa bàn đạt kết quả tích cực, các đơn vị, tổ chức hoạt động ngành du lịch tập trung quảng bá, xúc tiến, khai thác tiềm năng và cơ hội đầu tư phát triển vào lĩnh vực du lịch tỉnh, liên kết Cụm hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long. Toàn tỉnh ước đón 134.150 lượt khách tham quan du lịch, trong đó: có 7.442 lượt khách quốc tế, 126.708 lượt khách nội địa; tổng thu từ khách du lịch ước đạt 57,1 tỷ đồng.

#### **1.4. Tình hình phát triển doanh nghiệp**

Về phát triển doanh nghiệp: có 159 hồ sơ đăng ký thành lập mới, tăng 15% so cùng kỳ, với tổng số vốn 657 tỷ đồng, tăng 37% so cùng kỳ; có 32 hồ sơ đăng ký giải thể với tổng vốn là 16,2 tỷ đồng; chấm dứt hoạt động 28 đơn vị trực thuộc, so cùng kỳ giảm 70% số doanh nghiệp và giảm 80% số vốn. Đến nay, Tỉnh có 4.517 doanh nghiệp còn hoạt động, tổng vốn 72.432 tỷ đồng.

Về thu hút đầu tư trong nước: Đã cấp mới 01 chủ trương đầu tư dự án ngoài khu, cụm công nghiệp với số vốn 301,565 tỷ đồng. Hiện toàn tỉnh có 318 dự án đầu tư, với tổng mức đầu tư 193.215 tỷ đồng, trong đó: có 252 dự án ngoài khu, cụm công nghiệp với tổng số vốn là 41.241 tỷ đồng và 63 dự án trong khu công nghiệp với tổng số vốn là 151.684 tỷ đồng, 03 dự án trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang với tổng số vốn là 290 tỷ đồng.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Thu hồi 01 dự án FDI với số vốn 23,62 triệu USD. Toàn tỉnh có 25 dự án FDI (trong Khu công nghiệp là 5 dự án, ngoài khu công nghiệp 20 dự án) đang hoạt động, với tổng số vốn đăng ký 731 triệu USD.

## **2. Tài chính, ngân hàng**

### **2.1. Thu, chi ngân sách nhà nước**

Tổng thu ngân sách nhà nước đạt và vượt so với tiến độ thực hiện dự toán HĐND tỉnh giao. Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) đến 28/02/2025 thực hiện được 2.738,399 tỷ đồng, đạt 22,96% dự toán Trung ương, đạt 19,59% dự toán HĐND tỉnh, vượt 21,22% dự toán bình quân HĐND tỉnh, tăng 6,06% so với cùng kỳ (cùng kỳ 2.581,251 tỷ đồng). Trong đó: Thu NSNN trên địa bàn được 1.283,155 tỷ đồng, đạt 20,49% dự toán Trung ương, đạt 15,46% dự toán HĐND tỉnh giao (Thu nội địa 1.249,083 tỷ đồng, đạt 20,39% dự toán Trung ương, đạt 16,44% dự toán HĐND tỉnh, vượt 1,68% dự toán bình quân HĐND tỉnh, giảm 1,39% so với cùng kỳ (cùng kỳ 1.397,325 tỷ đồng); Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu

đạt 34,072 tỷ đồng, đạt 25,05% dự toán Trung ương, đạt 4,87% dự toán HĐND tỉnh, hụt 69,89% dự toán bình quân HĐND tỉnh, giảm 65,08% so với cùng kỳ (cùng kỳ 97,582 tỷ đồng), tăng 3,77% so với cùng kỳ (cùng kỳ 1.203,726 tỷ đồng); trung ương trợ cấp 1.058,634 tỷ đồng, đạt 18,68% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, vượt 15,58% dự toán bình quân HĐND tỉnh, giảm 5,12% so với cùng kỳ (cùng kỳ 1.115,812 tỷ đồng).

Tổng chi ngân sách địa phương là 3.565,068 tỷ đồng, đạt 30,77% dự toán trung ương, đạt 27,81% dự toán HĐND tỉnh và vượt 72,02% dự toán bình quân HĐND tỉnh, giảm 61,17% so với cùng kỳ (cùng kỳ 3.218,155 tỷ đồng)<sup>[11]</sup>. Nếu trừ số dư tạm ứng năm 2024 chuyển sang năm 2025 là 2.315,596 tỷ đồng thì tổng chi ngân sách địa phương còn lại là 1.249,472 tỷ đồng, đạt 10,78% dự toán Trung ương, đạt 9,75% dự toán HĐND tỉnh và đạt 60,29% dự toán bình quân HĐND tỉnh.

## **2.2. Tín dụng ngân hàng, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh**

Toàn địa bàn có 17 tổ chức tín dụng (TCTD) gồm: 02 Chi nhánh Ngân hàng thương mại Nhà nước, 03 Chi nhánh Ngân hàng thương mại (NHTM) có vốn Nhà nước chi phối; 01 Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội; 10 Chi nhánh Ngân hàng TMCP và 01 Quỹ tín dụng Nhân dân. Có 08 Chi nhánh loại 2 trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang; 31 Phòng Giao dịch (PGD) trực thuộc các NHTM trên địa bàn; 08 PGD Bưu điện trực thuộc Ngân hàng TMCP Lộc Phát Chi nhánh Hậu Giang; Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có 75 điểm giao dịch tại các UBND xã.

Tổng vốn huy động trên toàn địa bàn ước thực hiện đến 28/02/2025 đạt 24.750 tỷ đồng, giảm 1,96% so với cuối năm 2024; ước dư nợ đạt 45.650 tỷ đồng, tăng 2,75% so với cuối năm 2024; tỷ lệ nợ xấu trên địa bàn vẫn duy trì dưới mức 3% tổng dư nợ theo mục tiêu đã đề ra.

Tình tích cực thực hiện rà soát nhu cầu vay, điều kiện vay vốn và làm việc với các tổ chức yêu cầu vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh trên địa bàn. Kết quả một số chương trình tín dụng trọng điểm tính đến cuối tháng 01 năm 2025 đạt được như sau: Cho vay thu mua lúa, gạo xuất khẩu và tiêu dùng dư nợ 3.805 tỷ đồng, giảm 2,69% so với cuối năm 2024; Cho vay nuôi trồng, chế biến thủy sản dư nợ 1.446 tỷ đồng, tăng trưởng 5,62% so với cuối năm 2024; Cho vay lĩnh vực kinh tế tập thể dư nợ 442 tỷ đồng, tương đương cuối năm 2024 với 55 HTX và 84 tổ hợp tác còn dư nợ; Cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn dư nợ 26.035 tỷ đồng, tăng trưởng 0,88% so với cuối năm 2024; Cho vay xây dựng nông thôn mới toàn địa bàn dư nợ 17.355 tỷ đồng tăng trưởng 1,07 so với

<sup>[11]</sup> Trong đó: Chi đầu tư phát triển 2.614,476 tỷ đồng, đạt 52,93% dự toán trung ương, đạt 48,03% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh và vượt 197,13% dự toán bình quân HĐND tỉnh, tăng 9,21% so với cùng kỳ (cùng kỳ 2.393,883 tỷ đồng); Chi thường xuyên là 949,592 tỷ đồng, đạt 14,72% dự toán trung ương, đạt 14,27% dự toán HĐND tỉnh và đạt 88,29% dự toán bình quân HĐND tỉnh, tăng 15,62% so với cùng kỳ (cùng kỳ 821,272 tỷ đồng).

cuối năm 2024; Các chương trình tín dụng chính sách dư nợ đạt 4.499 tỷ đồng, tăng trưởng 1,17% so với cuối năm 2024; Cho vay thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đạt 40 tỷ đồng với 52 chủ thể được tiếp cận vốn; Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp có doanh số cho vay đạt 20.886 tỷ đồng, dư nợ đạt 11.715 tỷ đồng với 737 doanh nghiệp được tiếp cận vốn.

### **3. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển**

Tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công: Tổng kế hoạch đầu tư vốn năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 là 6.604,052 tỷ đồng<sup>121</sup>. Tỉnh đã phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 là 7.122,052 tỷ đồng (tại Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 là 5.457,052 tỷ đồng; Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 là 1.665 tỷ đồng); cao hơn 518 tỷ đồng so với số vốn Thủ tướng Chính phủ giao. Tổng khối lượng thực hiện đến ngày 28/02/2025 được 146,334/7.122,052 tỷ đồng, đạt 2,05% kế hoạch, thấp hơn 12,33% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 14,38% kế hoạch). Giá trị giải ngân được 253,011/7.122,052 tỷ đồng, đạt 3,55% kế hoạch, thấp hơn 10,08% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 14,35% kế hoạch).

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện được 3.890 tỷ đồng tăng 5,73% so với cùng kỳ và đạt 13,59% kế hoạch (vốn ngân sách nhà nước thực hiện được 865,560 tỷ đồng, tăng 9,56% so với cùng kỳ và đạt 12,15% kế hoạch năm; vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước và Trung ương đầu tư trên địa bàn thực hiện được 678,6 tỷ đồng, giảm 9,61% so với cùng kỳ và đạt 15,08% kế hoạch).

Thực hiện rà soát xử lý đối với 41 dự án đầu tư ngoài ngân sách chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh, cụ thể đến ngày 28/02/2025: đã kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư đối với 12 dự án, trong đó đã có kết luận 06 dự án, 06 dự án còn lại dự kiến ban hành kết luận trong tháng 3/2025 (trong đó đề xuất cụ thể các phương án xử lý đối với từng dự án); xử lý đối với 21 dự án; 04 dự án chờ kết quả.

### **4. Tình hình đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm có sức lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của vùng**

#### **4.1. Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông (Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang và Dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau)**

##### ***a) Thông tin chung về Dự án đoạn đi qua địa bàn tỉnh Hậu Giang***

Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn đi qua địa bàn tỉnh Hậu Giang ảnh hưởng 16 xã, thị trấn thuộc 04 huyện, gồm huyện Châu Thành, huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy và huyện Long Mỹ; có chiều dài khoảng 63,6 km/110,93 km, bằng 57% chiều dài của dự án; có 2.067 hộ dân và 10 tổ chức quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng với tổng diện tích

<sup>121</sup> Trong đó: Vốn ngân sách địa phương là 3.125,120 tỷ đồng; vốn ngân sách Trung ương là 1.813,932 tỷ đồng; nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021 là 1.665 tỷ đồng.

đất thu hồi là 361,53 ha; có 422 mô mà bị ảnh hưởng phải di dời. Đoạn đi qua địa bàn tỉnh Hậu Giang có 04 nút giao, bao gồm: Nút giao IC3 (giao với Quốc lộ 1); Nút giao IC4 (giao với Quốc lộ 61); Nút giao IC5 (giao với Quốc lộ 61); Nút giao IC6 (giao với Đường tỉnh 930). Dự án gồm 02 dự án thành phần:

- Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang: chiều dài trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là 37,1 km gồm huyện Châu Thành, Phụng Hiệp và xã Vĩnh Tường, một phần xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy; có diện tích là 220,96 ha với 1.358 hộ dân bị ảnh hưởng.

- Dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau: chiều dài trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là 26,5 km, gồm một phần xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy và huyện Long Mỹ; có diện tích 140,57 ha với 709 hộ dân bị ảnh hưởng.

***b) Kết quả thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư***

Đến nay đã bàn giao mặt bằng của 2.067/2.067 hộ với diện tích là 361,53/361,53 ha; di dời xong 07/07 đường dây điện cao thế, hoàn thành 100%.

**4.2. Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1**

***a) Thông tin dự án***

Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (sau đây gọi là dự án thành phần 3) có tổng chiều dài tuyến 36,682 km. Điểm đầu thuộc ấp Trường Lợi, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Điểm cuối thuộc thị trấn Búng Tàu, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Quy mô giai đoạn hoàn chỉnh: Đường bộ cao tốc 6 làn xe, với chiều rộng nền đường 32,25 m.

- Quy mô phân kỳ giai đoạn 1: Đầu tư quy mô 4 làn xe, với chiều rộng nền đường 17 m.

- Tổng mức đầu tư: 9.601,98 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn bố trí cho dự án trong giai đoạn 2021 - 2025 là: 6.848,5 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội là: 844 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách Trung ương năm 2021 là: 1.715 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn ngân sách địa phương là: 823,5 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Giao thông vận tải chuyển qua là: 3.466 tỷ đồng.

### ***b) Tình hình thi công***

Tổng giá trị thực hiện là đến nay khối lượng thực hiện được khoảng 1.898 tỷ đồng/5.421 tỷ đồng, đạt 35,01% giá trị hợp đồng (Gói thầu xây dựng số 1 giá trị thực hiện được 1.245 tỷ đồng/3.060 tỷ đồng, đạt 40,69% giá trị hợp đồng, đạt yêu cầu tiến độ. Gói thầu xây dựng số 2 giá trị thực hiện được 653 tỷ đồng/2.361 tỷ đồng, đạt 27,66% giá trị hợp đồng, chậm khoảng 5%). Cụ thể:

#### **+ Gói thầu xây lắp số 1:**

- Đường công vụ: Đã thi công 18 km đường công vụ.
- Các cầu trên tuyến: Hiện nay nhà thầu đã triển khai đồng loạt 12/12 cầu trên tuyến. Đã lắp đặt dầm, đổ mặt cầu được 6 cầu. Theo kế hoạch phân đấu sẽ hoàn thành toàn bộ phần cầu trong quý II năm 2025.
- Phần đường: Đã tiến hành đắp cát được khoảng 8 km. Cắm bắc thăm với chiều dài khoảng 5,0 Km, đất cát gia tải được khoảng 3 km.

#### **+ Gói thầu xây lắp số 2:**

- Đường công vụ: Đã hoàn thiện khoảng 9,0 Km đường công vụ, hiện nay đang tập kết vật liệu để thi công 8,0 km đường công vụ còn lại.
- Các cầu trên tuyến: Hiện nay nhà thầu đã triển khai 12/12 cầu trên tuyến (cầu Nàng Mau, cầu Mười Bốn, cầu Hòa Mỹ, cầu Lái Hiếu, cầu Hậu Giang 3, cầu Kênh Mới, cầu Miếu Hội, cầu Bao Dưới, cầu Bờ Bao; cầu Kênh Phèn, cầu Tám Quý, cầu Đầu Ngàn). Trong đó các cầu lớn như: Nàng Mau, Hòa Mỹ, Lái Hiếu, Hậu Giang 3 đã xong phần móng trụ, đang tổ chức lao lắp dầm.
- Phần đường: Đã tiến hành đắp cát được khoảng 2,5 km. Cắm bắc thăm với chiều dài khoảng 1,0 Km.

### ***c) Công tác giải ngân***

Giá trị giải ngân từ đầu dự án đến nay là 3.977,6 tỷ đồng/6.843,5 tỷ đồng theo kế hoạch vốn được bố trí đến hết năm 2025, đạt 58,41% nguồn vốn bố trí cho dự án. Trong đó:

- + Giá trị giải ngân năm 2023 là 1.354,5 tỷ đồng/1.354,5 tỷ đồng, đạt 100% nguồn vốn bố trí cho dự án.
- + Giá trị giải ngân năm 2024 là 2.600,3 tỷ đồng/2.738 tỷ đồng, đạt 95,14% nguồn vốn bố trí cho dự án.
- + Giá trị giải ngân năm 2025 là 42,8 tỷ đồng/2.756 tỷ đồng.

### **5. Tình hình xuất nhập khẩu**

Dịp Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025 diễn ra vào cuối tháng 01 nên hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp không được thường xuyên liên tục trong tháng 01 và sản xuất kinh doanh ít hơn khi bước sang tháng 02. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa trực tiếp ước thực hiện được 171,096 triệu USD, giảm 2,39% so với cùng kỳ và đạt 12,83% kế hoạch, trong đó:



+ Xuất khẩu ước thực hiện được 118,875 triệu USD, giảm 4,85% so với cùng kỳ và đạt 13,19% kế hoạch.

+ Nhập khẩu ước thực hiện được 44,345 triệu USD, tăng 3,74% so với cùng kỳ và đạt 11,36% kế hoạch.

+ Ủy thác xuất khẩu ước thực hiện được 0,45 triệu USD, tăng 7,14% so với cùng kỳ và đạt 22,5% kế hoạch.

+ Dịch vụ đại lý chi trả ngoại tệ của các tổ chức tín dụng ước thực hiện được 7,831 triệu USD, tăng 3,39% so với cùng kỳ và đạt 18,73% kế hoạch.

## **6. Các chương trình mục tiêu quốc gia**

Căn cứ kế hoạch, dự toán ngân sách Trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao năm 2025 và cả giai đoạn 2021 - 2025, Tình hình trương phân bổ, giao cho các đơn vị, địa phương đảm bảo đúng quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan. Các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về: xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 đã có tác động lớn đến xã hội, cải thiện môi trường nông thôn. Kết quả thực hiện giải ngân vốn chương trình mục tiêu quốc gia 02 tháng đầu năm đạt kết quả cao, cụ thể:

### **6.1. Vốn đầu tư phát triển**

Kế hoạch vốn phân bổ năm 2025: 90,792 tỷ đồng, đã giải ngân 57,538 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 63,37% kế hoạch, giảm 13,67% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 77%), cụ thể:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kế hoạch vốn: 11,282 tỷ đồng, đã giải ngân 10,799 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 95,72% kế hoạch, tăng 9,77% (cùng kỳ là 85,95%).

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, kế hoạch vốn: 2,370 tỷ đồng, đã giải ngân 1,355 tỷ đồng, đạt 57,17% kế hoạch, giảm 42,83% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 100%).

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, kế hoạch vốn: 77,140 tỷ đồng, đã giải ngân 45,384 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 58,83% kế hoạch, giảm 15,87% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 74,7%).

### **6.2. Vốn sự nghiệp**

Đối với vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG trong quý I của năm là thời gian đơn hoàn thành phân bổ dự toán, lập Kế hoạch thực hiện và bắt đầu triển khai thực hiện, nên khối lượng hoàn thành để lập thủ tục giải ngân thanh toán, quyết toán chưa có. Tính đến ngày 28/02/2025, vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025 (bao gồm còn lại của năm 2024) là 83,004 tỷ đồng, cụ thể:

a) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi dự toán giao 1,707 tỷ đồng.

b) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững dự toán giao 7,605 tỷ đồng.

c) Chương trình MTQG Nông thôn mới dự toán giao 73,692 tỷ đồng.

### **7. Đánh giá chung tình hình thực hiện**

Thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội. Qua đó, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả tích cực:

- Thực hiện công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện đảm bảo theo đúng tiến độ và theo đúng định hướng của Trung ương và tình hình thực tiễn của Tỉnh. Các cơ quan Đảng, tổ chức đoàn thể, chính quyền đã đi vào hoạt động từ ngày 01/3/2025.

- Các chủ đầu tư và các ngành, các cấp, các địa phương chủ động triển khai mục tiêu phát triển kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung đầu tư công, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh và quản trị hiệu quả kinh doanh của các thành phần kinh tế. Đặc biệt công tác đầu tư xây dựng các công trình thuộc nguồn vốn nhà nước đảm bảo tiến độ thực hiện.

- Các doanh nghiệp tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh ngay sau Tết Nguyên đán. Tỷ lệ lao động trở lại nơi làm việc tại các công ty, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất sau khi nghỉ Tết Nguyên đán đạt kết quả cao<sup>[13]</sup>. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tăng 10,82% so với cùng kỳ.

- Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn đạt kết quả khá toàn diện. Công tác phòng, chống hạn mặn được ngành chuyên môn chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ mặn để cảnh báo kịp thời đến người dân, do đó chưa ảnh hưởng đến sản xuất.

- Công tác đầu tư, xây dựng các công trình được tập trung thực hiện. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 5,73% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, còn một số tồn tại và hạn chế chủ yếu như sau:

- Tình hình thế giới dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường tác động không nhỏ đến sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, thu hút FDI.

<sup>[13]</sup> Chỉ số sử dụng lao động ngành công nghiệp tăng 0,52% so với tháng trước và tăng 0,49% so với cùng kỳ.

- Thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên trở thành thách thức tác động và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và đời sống người dân. Giá lúa biến động thất thường, giá xuất khẩu giảm và áp lực thị trường quốc tế tác động đáng kể đến ngành nông sản, gây khó khăn và lo lắng cho nông dân thu hoạch vụ lúa Đông Xuân 2024 - 2025 và chuẩn bị xuống giống vụ Hè Thu năm 2025.

- Mặc dù tỉnh luôn quan tâm và có những buổi làm việc, gặp gỡ doanh nghiệp, nhà đầu tư để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và có hướng khắc phục, kịp thời tháo gỡ khó khăn đã triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác thu hút, mời gọi đầu tư, nỗ lực cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư theo hướng minh bạch và thông thoáng cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tuy nhiên, kết quả thu hút đầu tư trong các lĩnh vực năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghệ cao, thu hút các nhà đầu tư lớn có tiềm lực, uy tín sẵn sàng đầu tư vào tỉnh vẫn còn hạn chế.

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt yêu cầu đề ra. Nguồn cung một số nguyên vật liệu hạn chế; giá nhiều nguyên vật liệu tăng đột biến làm tăng chi phí thực hiện dự án... và ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Đặc biệt là các dự án trọng điểm.

### **III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA (NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW)**

#### **1. Việc hoàn thiện thể chế, đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số**

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước nhằm khuyến khích và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch và văn bản chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn<sup>[14]</sup>. Tỉnh đã và đang tập trung thực hiện phát triển nguồn

<sup>[14]</sup> Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 03/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh phân công nhiệm vụ thành viên Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh kiện toàn Hội đồng đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh kiện toàn Đội ứng cứu sự cố đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 601/QĐ-UBND, ngày 24/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2024 của UBND tỉnh thực hiện các mô hình điểm nhằm đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư,

nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) đủ năng lực và trình độ khai thác các hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin phục vụ triển khai Chính quyền điện tử, đô thị thông minh. Đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương và cán bộ chuyên trách CNTT của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có trình độ đại học trở lên. Toàn tỉnh có 525 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 2.863 thành viên, lực lượng này là nòng cốt để thúc đẩy chuyển đổi số trong Nhân dân.

Tổ chức Kế hoạch Bồi dưỡng “Tập huấn khả năng ứng phó sự cố an toàn thông tin và tổ chức diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Hậu Giang” (hệ thống thông tin cấp độ 3) và Tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số năm 2024 với tổng số 50 đại biểu, 1.971 học viên, dành cho lãnh đạo, công chức, viên chức các sở, ban, ngành tỉnh và lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 21/02/2025, Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 4565-QĐ/TU về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phân công Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

## **2. Việc tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Triển khai Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND tỉnh về Chương trình Hỗ trợ đổi mới công nghệ, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ (KH-CN) thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang giai đoạn đến năm 2030 đã huy động được lực lượng cán bộ kỹ thuật của ở các địa phương trong tỉnh tham gia xây dựng các mô hình và trực tiếp tham gia hỗ trợ người dân nhằm nâng cao hiệu quả và đảm bảo tính bền vững cũng như khả năng nhân rộng kết quả của các mô hình. Qua đó, các tiến bộ KH-CN làm tiền đề cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội khác của địa phương, nâng cao hiểu biết, niềm tin và ý thức của người dân trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

---

định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 21/KH-BCĐ ngày 20/6/2024 của Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh về hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang về công tác chuyển đổi số năm 2024; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 03/04/2024 của UBND tỉnh tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Mekong Delta 2024; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 26/9/2024 về Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2024; Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh Phát động phong trào thi đua 60 ngày đêm chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Triển khai đề án chuyển đổi số đến hết năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH-CN tỉnh được xây dựng nhằm phục vụ công tác thử nghiệm, đánh giá chất lượng hàng hóa, nông hải sản trong tỉnh. Ngoài ra, Trung tâm thường xuyên tiếp nhận các thiết bị khoa học kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm KH-CN mới<sup>[15]</sup>, nhập cơ sở dữ liệu các đề tài, dự án đang tiến hành, đã nghiệm thu, hiệu quả ứng dụng, đảm bảo cho việc kết nối cơ sở dữ liệu trên toàn quốc. Phòng thí nghiệm được Văn phòng Công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học và công nghệ chứng nhận đạt chuẩn mực ISO/IEC 17025:2005 lĩnh vực hóa lý với 03 chỉ tiêu pH, Fe và TSS trong nước và nước thải. Hàng năm, Phòng thí nghiệm thực hiện duy trì đánh giá giám sát và đánh giá chứng nhận lại theo đúng quy định của chuẩn ISO và đạt yêu cầu chứng nhận công nhận.

Đầu tư, nâng cấp vận hành Công dữ liệu mở tỉnh Hậu Giang tại địa chỉ <https://data.haugiang.gov.vn>. Đến nay, đã cấp tài khoản cho 16 đơn vị sở, ban, ngành tỉnh và được cập nhật, công khai dữ liệu; Triển khai 10 dịch vụ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); Tập huấn triển khai chức năng Kho dữ liệu điện tử của cá nhân và số hóa thành phần và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cho hơn 100 cơ quan gồm sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện và cấp xã.

Tỉnh thuê Tập đoàn VNPT cung cấp dịch vụ, dùng để cung cấp hạ tầng máy chủ cho các phần mềm nền tảng dùng chung của tỉnh như hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống quản lý văn bản, hệ thống xác thực tập trung.... Đồng thời, Tỉnh còn thuê thêm các dịch vụ bảo mật đáp ứng tiêu chí bảo mật theo Công văn số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 của Cục An toàn thông tin. Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh phục vụ sao lưu dự phòng cho các hệ thống dùng chung của tỉnh và cung cấp hạ tầng phục vụ cho hơn 30 hệ thống thông tin của các đơn vị trong tỉnh. Quy mô cung cấp hơn 100 máy chủ ảo cung cấp cho các đơn vị. Hiện nay, tất cả cơ quan đơn vị đang tích cực vận hành hiệu quả các nền tảng của Tỉnh và của các Bộ, ngành trung ương để nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia<sup>[16]</sup>.

### **3. Việc chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo trong hoạt động của cơ quan trong hệ thống chính trị**

Nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn. Tỉnh ban hành kế hoạch số 190/KH-UBND tỉnh ngày 14/10/2024 về triển khai đề án chuyển đổi số đến

<sup>[15]</sup> Hệ thống phân tích Protein và đo động học Protein bằng phương pháp cộng hưởng Plasmon bề mặt; hệ thống sấy lạnh thực phẩm công nghiệp; máy sấy phun; máy trộn đồng hóa; hệ thống lên men phòng thí nghiệm; cân phân tích 4 số lẻ; máy ly tâm đa dụng; máy lắc ngang hiển thị số; nâng cấp hệ sắc ký GCMS; thiết bị đo độ ẩm lương thực, thực phẩm; hệ thống chiết rót chai tự động...

<sup>[16]</sup> Hộp trực tuyến; Hệ thống phòng họp không giấy; Xử lý văn bản điện tử; Ứng dụng di động Hậu Giang; Hệ thống Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh mới và chức năng thanh toán trực tuyến qua mã QR...

hết năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Trong đó, trọng tâm xây dựng cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn Tỉnh phục vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số; Thu hút các doanh nghiệp số vào Khu Công nghệ số của tỉnh... UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành đầy đủ các văn bản tổ chức thực hiện tại các đơn vị, địa phương.

Thành lập Tổ Công tác triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là Tổ Công tác triển khai Đề án 06) do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng tại Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh; đến nay, UBND cấp huyện, cấp xã đã thành lập 608 Tổ công tác triển khai Đề án 06 ở cấp huyện, xã và ấp, khu vực với tổng số là 3.473 thành viên.

Tính đến nay đã có 172 dịch vụ chương trình ứng dụng được triển khai trên Nền tảng, 05 đơn vị đăng ký sử dụng chương trình ứng dụng, hơn 3,5 triệu lượt giao dịch/năm qua Nền tảng<sup>177</sup>. Ngoài ra, Tỉnh còn triển khai hệ thống phòng, chống mã độc tập trung với quy mô 1.500 máy tính, mỗi máy tính được cài phần mềm giám sát mã độc (giải pháp của tập đoàn công nghệ CMC). Thông qua hệ thống giám sát tập trung có thể biết được tình trạng lây nhiễm các mã độc và kết quả xử lý trên các máy tính trạm.

Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Căn cước, Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu, thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các quyết định của UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính (TTHC), quy trình nội bộ thực hiện TTHC trên môi trường điện tử thuộc thẩm quyền để kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến và triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng DVC trực tuyến, kết nối với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Công DVC quốc gia để lưu trữ dữ liệu, tái sử dụng kết quả đã số hóa phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đã có 98 đơn vị gồm các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã đã khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ hoạt động quản lý nhà nước thuộc chức năng ngành, lĩnh vực quản lý, thí điểm thực hiện 22/44 mô hình điểm nhằm thúc đẩy Đề án 06/CP tại địa phương, điển hình một số mô hình đạt hiệu quả<sup>181</sup>.

<sup>177</sup> Nền tảng quản trị tổng thể tỉnh (Hệ thống Quản lý văn bản của tỉnh); Nền tảng họp trực tuyến thể hệ mới; Nền tảng giám sát dữ liệu trực tuyến; Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; Nền tảng trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức, viên chức; Nền tảng điện toán đám mây; Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC); Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) kết nối các hệ thống...

<sup>181</sup> Các mô hình như: Triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06; Khám chữa bệnh sử dụng QRcode thể căn cước và VneID; Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe; Tự động hóa Trung tâm hành chính công thông qua tương tác Kiosk"...

#### **4. Việc ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với doanh nghiệp**

Nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp số vươn ra toàn cầu, tập trung vào việc thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh và phát triển hạ tầng số được quan tâm triển khai tích cực, cụ thể: Tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư, nhằm quảng bá các dự án ưu tiên trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp cận cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh; Thành lập Khu Công nghệ số và áp dụng các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào khu vực này, như miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm, giảm 50% trong 4 năm tiếp theo, áp dụng thuế suất ưu đãi 17% trong 15 năm, và miễn tiền thuê đất trong 15 năm. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn được hưởng ưu đãi về dịch vụ viễn thông, như miễn phí cước đầu nối, giảm 50% cước phí sử dụng dịch vụ internet trong 3 năm đầu, và giảm 30-50% phí triển khai các ứng dụng hỗ trợ chuyển đổi số; Cam kết hỗ trợ doanh nghiệp từ khâu tiếp cận đến đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính liên quan.

#### **5. Công tác phát triển, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, nhân lực các cấp được quan tâm. Tỉnh đã hoàn thành triển khai tập huấn chuyển đổi số trực tuyến trên Nền tảng MOOCs cho 367 Lãnh đạo tỉnh, Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, công chức phụ trách CNTT và 13.800 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh kết quả đạt 100%.

Tỉnh đã ban hành các chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài trong khu vực công, phù hợp với Nghị định của Chính phủ về tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng đối với người có tài năng. Hàng năm, ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và Danh sách quy hoạch đào tạo sau đại học, khuyến khích tự đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hậu Giang, Danh mục ngành nghề thu hút nhân lực tỉnh Hậu Giang; hỗ trợ đào tạo sau đại học cho các đối tượng hoàn thành chương trình đào tạo theo quy hoạch và bổ sung kinh phí hỗ trợ thu hút giáo viên theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

#### **6. Việc thực hiện các văn bản của Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 24/01/2025 để thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết với 58 nhiệm vụ và 22 chỉ tiêu (Nghị quyết số 57-NQ/TW đưa ra 140 nhiệm vụ, 35 chỉ tiêu) cụ thể thực hiện đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tế và có sự phân công chủ trì và phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ.

## **7. Về hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Tỉnh đã và đang chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước nhằm tiếp cận công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng KHCN vào sản xuất, đời sống. UBND tỉnh Hậu Giang đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia,... Theo đó, sẽ phối hợp thúc đẩy các chương trình KHCN và đổi mới sáng tạo; đào tạo nguồn nhân lực KHCN chất lượng cao; phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số trong quản lý hành chính, y tế, giáo dục và thương mại điện tử; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **8. Đánh giá chung tình hình thực hiện**

Nhìn chung, UBND tỉnh đã triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu với quyết tâm, nỗ lực, quyết liệt và cơ bản đã tạo ra nền tảng có chuyển biến tích cực, cụ thể:

- Tập trung được trí tuệ các tổ chức, đơn vị, đội ngũ trí thức trong và ngoài tỉnh tham gia tư vấn, chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, cấp Bộ, cũng như việc tham gia phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động, sản xuất trong mọi lĩnh vực ngành nghề thông qua các cuộc thi, hội thi tỉnh tổ chức.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số có nhiều tiến bộ, dịch vụ công trực tuyến dần phát huy được hiệu quả. Các ứng dụng chính quyền điện tử, đô thị thông minh triển khai trong thời gian qua đã đi vào vận hành ổn định và mang lại những hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, tăng tính minh bạch, tính tương tác giữa cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp, được người dân đồng thuận và đánh giá cao.

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- KHCN chưa là đòn bẩy nâng cao năng suất lao động, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi và mô hình tăng trưởng; đóng góp của KHCN vào tăng trưởng kinh tế còn khiêm tốn.

- Còn thiếu các đề tài, dự án KHCN quy mô lớn, mang tính đột phá, tác động chuyển biến đến phát triển kinh tế - xã hội. Vẫn còn các đề tài, dự án sau khi được nghiệm thu đạt kết quả nhưng chưa được ứng dụng, triển khai vào thực tiễn.

- Một số văn bản pháp lý về chuyển đổi số chưa hoàn thiện, trong đó có khung pháp lý về báo cáo các chỉ tiêu thống kê về chuyển đổi số, việc đánh giá mức độ chuyển đổi số rất khó khăn, nhất là kinh tế số và xã hội số.

## **IV. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ XỬ LÝ CÁC KIẾN NGHỊ TRƯỚC ĐÂY CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Một số vấn đề kiến nghị trước đây về khắc phục tình trạng đứt gãy nguồn cung nguyên vật liệu, điều chỉnh thiết kế, quy mô triển khai thực hiện các tuyến cao tốc hiện đang được các Bộ, ngành Trung ương quan tâm giải quyết. UBND tỉnh Hậu Giang sẽ tiếp tục đóng góp ý kiến đến các Bộ, ngành Trung ương và chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh tham mưu thực hiện khi phát sinh những vấn đề mới.



## V. NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG THỰC TẾ

1. Đề tập trung nguồn lực về nguyên vật liệu và các điều kiện cần thiết cho các dự án trọng điểm để tạo hành lang phát triển các lĩnh vực khác trên địa bàn, đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Xây dựng phối hợp với các địa phương triển khai các bước chuẩn bị đầu tư, sớm triển khai thực hiện Dự án cao tốc đường bộ Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu trước năm 2030; Hỗ trợ cơ chế thu hút phát triển logistics theo định hướng Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Đến nay dự án Nâng cấp mở rộng tuyến nội Cần Thơ - Hậu Giang (Quốc lộ 61C) sử dụng vốn vay của Chính phủ Nhật Bản vẫn chưa được phê duyệt. Do đó, đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm phê duyệt đề xuất dự án để tỉnh Hậu Giang làm cơ sở triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo.

3. Đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện nay còn 02 Chương trình (Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững) năm 2025 chưa được Trung ương bố trí vốn. Đề nghị Bộ Tài chính sớm phân bổ cho địa phương đảm bảo thực hiện hoàn thành trong năm 2025 và cân đối vốn để đối ứng.

Trên đây là báo cáo tình hình hình thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2025; tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang 02 tháng đầu năm 2025, kính báo cáo Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính./.

*(Đính kèm các Phụ lục I, Phụ lục II và dự kiến Chương trình làm việc)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - TT.UBND tỉnh;
  - Sở Tài chính;
  - Lưu: VT, NCTH.TP
- BC thực hiện kịch bản tăng trưởng SXKD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117/BC-UBND

Kiên Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2025

HỒA TỐC

**BÁO CÁO**

**Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng,  
xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang  
(Kỳ báo cáo Quý I/2025)**

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;  
Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Bộ Dân tộc và  
Tôn giáo;
- Thường trực Tỉnh ủy Kiên Giang.

Thực hiện Công văn số 2255/VPCP-QHĐP ngày 18/3/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc chuẩn bị tài liệu làm việc với tỉnh Kiên Giang, tỉnh Hậu Giang, UBND tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

## **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025**

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm bản lề, tạo nền tảng cho sự phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới. Với quyết tâm chính trị cao nhất, UBND tỉnh đã xây dựng 02 kịch bản để điều hành phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể:

### **1. Kịch bản 01 (phấn đấu tăng trưởng GRDP đạt 10,02% trở lên)**

- Trên cơ sở kết quả đạt được trong năm 2024 và nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng chung của giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/01/2025 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, trong đó xác định mục tiêu tăng trưởng GRDP đạt 7,5%.

- Thực hiện Công điện số 140/CĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số, UBND tỉnh đã chủ động rà soát, xây dựng giải pháp và ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND, với mục tiêu nâng mức tăng trưởng GRDP năm 2025 lên 10,02%, cao hơn 2,52% so với kế hoạch ban đầu. Cụ thể:

+ **Khu vực 1:** Phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt 5% (tương ứng quy mô giá trị 29.080,86 tỷ đồng). Dựa vào động lực chính: Sản lượng lúa 4,717 triệu tấn (trong đó lúa chất lượng cao đạt 95%); thủy sản 830 ngàn tấn, trong đó nuôi

trồng 420 ngàn tấn (gồm cá biển 30 ngàn tấn và tôm nuôi 155 ngàn tấn); số lượng chăn nuôi heo là 410 ngàn con.

+ **Khu vực 2:** Phân đầu tốc độ tăng trưởng đạt 15,51% (tương ứng quy mô giá trị 19.766,224 tỷ đồng), trong đó công nghiệp phân đầu tốc độ tăng trưởng đạt 16,97% (tương ứng quy mô giá trị 11.606 tỷ đồng). Động lực tăng trưởng: giá trị SXCN tăng 17,7% (chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo); huy động vốn toàn xã hội 55 ngàn tỷ đồng (trong đó ngân sách 11.063 tỷ đồng, giải ngân 100%). Thu ngân sách 19.610 tỷ đồng; hoàn thành và đưa vào sử dụng 15 dự án mới để tăng năng lực khai thác.

+ **Khu vực 3:** Phân đầu tốc độ tăng trưởng đạt 11,53% (tương ứng quy mô giá trị 32.772,297 tỷ đồng). Động lực tăng trưởng: Du lịch, trong đó khách du lịch 11,05 triệu lượt (trong đó khách quốc tế là 1,2 triệu); đưa vào khai thác tàu ban đêm giữa đất liền với Phú Quốc, năng lực vận tải hàng hóa và hành khách tăng thêm 15%. Xuất khẩu đạt 1,2 tỷ USD.

Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm phân đầu tốc độ tăng trưởng đạt 10,15% (tương ứng quy mô giá trị 4.481,35 tỷ đồng).

Để đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả, UBND tỉnh đã cụ thể hóa mục tiêu đến từng quý, làm cơ sở cho các ngành, địa phương triển khai thực hiện<sup>1</sup>.

## 2. Kịch bản 2 (tăng trưởng GRDP đạt 8,0% trở lên)

Ngày 05/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP với mục tiêu tăng trưởng của cả nước đạt 8% trở lên, tạo nền tảng vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Chính phủ, UBND tỉnh Kiên Giang đã kịp thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 24/02/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Theo đó, mức tăng trưởng GRDP được điều chỉnh từ 7,5% lên 8,0%, với các nội dung cụ thể:

- **Khu vực 1:** Phân đầu tốc độ tăng trưởng đạt 3,73% (tương ứng quy mô giá trị 28.729,76 tỷ đồng), tăng 1,13% (giá trị tuyệt đối tăng 313,606 tỷ đồng). Dựa vào động lực chính: Sản lượng lúa 4,715 triệu tấn (trong đó lúa chất lượng cao đạt 95%); thủy sản 830 ngàn tấn, trong đó nuôi trồng 420 ngàn tấn (gồm cá biển 30 ngàn tấn và tôm nuôi 155 ngàn tấn).

<sup>1</sup> Cụ thể: Quý I tăng trưởng 8,4%; Quý II tăng trưởng 9,62%; Quý III tăng trưởng 9,49%; Quý IV tăng trưởng 12,8%.

- **Khu vực 2:** Phân đầu tốc độ tăng trưởng đạt 11,89% (tương ứng quy mô giá trị 19.146,61 tỷ đồng), tăng 0,44% (giá trị tuyệt đối tăng 2.035,09 tỷ đồng). Trong đó: Tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng đạt 10,37% (tương ứng với quy mô giá trị 7.934,27 tỷ đồng) tăng 1,06% (giá trị tuyệt đối tăng 75,78 tỷ đồng); ngành công nghiệp tăng trưởng 13%; huy động vốn đầu tư toàn xã hội là 55.000 tỷ đồng (tăng 7.000 tỷ đồng). Động lực tăng trưởng: giá trị SXCN tăng 13,28% (chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo); huy động vốn toàn xã hội 55 ngàn tỷ đồng (trong đó ngân sách 11.063 tỷ, giải ngân 95%). Thu ngân sách 18.642 tỷ đồng.

- **Khu vực 3:** Phân đầu tốc độ tăng trưởng đạt 10,24% (tương ứng quy mô giá trị 32.392,77 tỷ đồng). Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 14,6% (tương ứng quy mô 186.420 tỷ đồng), tăng 5,1%; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 1,07 tỷ USD (tăng 70 triệu USD). Động lực tăng trưởng: Du lịch, trong đó khách du lịch 11,05 triệu lượt (trong đó khách quốc tế là 1,2 triệu); đưa vào khai thác tàu ban đêm giữa đất liền với Phú Quốc, năng lực vận tải hàng hóa và hành khách tăng thêm 15%. Xuất khẩu đạt 1,07 tỷ USD.

Trước yêu cầu đó, UBND tỉnh đã đề ra 11 nhóm giải pháp trọng tâm, thể hiện tinh thần chủ động, quyết tâm chính trị cao trong chỉ đạo, điều hành để hoàn thành các mục tiêu phát triển năm 2025 mà còn tạo nền tảng vững chắc để tỉnh bứt phá trong giai đoạn 2026-2030, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của cả nước.

## II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 13/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 24/02/2025 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2025 và Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 14/01/2025 của UBND tỉnh về điều hành tăng trưởng kinh tế năm 2025, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang 03 tháng đầu năm 2025 đạt nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

### 1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:

- *Về nông nghiệp<sup>2</sup>:* Vụ lúa mùa: Đã thu hoạch dứt điểm, sản lượng ước đạt 427.221,71 tấn, tăng 4,32% so kế hoạch và tăng 8,13% so cùng kỳ<sup>3</sup>, năng suất

<sup>2</sup> Riêng lúa vụ Hè Thu 2025: Đến nay chưa khuyến cáo lịch gieo sạ, tuy nhiên một số địa phương nông dân gieo sạ tự phát với diện tích 5.649,6 ha, giai đoạn sinh trưởng mạ - đẻ nhánh. Tập trung ở các huyện, thành phố như

binh quân 5,44 tấn/ha. *Lúa Đông Xuân 2024-2025*: Gieo trồng được 280.747ha/280.000 ha, hiện đã thu hoạch 152.970 ha, đạt 54,49% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 7,77 tấn/ha, tăng 3,05% so cùng kỳ (7,54 tấn/ha), ước sản lượng đạt 1.188.453/2.170.000 tấn, đạt 54,77% kế hoạch. *Chăn nuôi*: Tình hình chăn nuôi ổn định, dịch bệnh ít xảy ra. Đàn heo hiện có 250.059 con, đạt 60,99% kế hoạch và tăng 12,72% so cùng kỳ (221.847 con); đàn gia cầm 4.062/6.370 ngàn con đạt 63,77% kế hoạch và bằng 70,23% so cùng kỳ (5.784 ngàn con).

- *Thủy sản*: Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ước 147.350 tấn, đạt 17,75% kế hoạch và tăng 4,99% so cùng kỳ năm 2024 (140.354 tấn), trong đó: Sản lượng khai thác ước đạt 97.388 tấn, đạt 23,17% so với kế hoạch, bằng 99,03% so với cùng kỳ (98.346 tấn); sản lượng nuôi trồng thủy sản ước 49.962 tấn, đạt 12,19% kế hoạch, tăng 23,4% so cùng kỳ (40.487 tấn).

- *Về công tác kiểm ngư, phòng, chống IUU*: Tổ chức kiểm tra, tuần tra, thực hiện phòng chống IUU, từ đầu năm đến nay, đã phát hành 34 Thông báo với 80 lượt tàu (73 tàu) bị mất tín hiệu kết nối trên biển, trong đó có 72 lượt tàu (65 tàu) mất tín hiệu trên biển trên 06 giờ đến dưới 10 ngày và 08 lượt (08 tàu) mất tín hiệu trên 10 ngày<sup>4</sup>. Cảnh báo 03 tàu cá vượt ranh vùng được phép khai thác thủy sản trên biển<sup>5</sup>. Không có tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài.

*Đối với nhóm tàu cá "3 không"*: Đã đăng ký cho 2.090/2.090 tàu cá "3 không" (đạt 100%). Thực hiện kiểm soát 8.926 lượt tàu cá Kiên Giang cập, rời cảng tại cảng cá chỉ định, bến cá của tỉnh và cảng cá của các tỉnh (so với cùng kỳ tăng 192 lượt) và thực hiện giám sát bốc dỡ hàng qua cảng cá, bến cá trong và ngoài tỉnh với tổng sản lượng 232.235 tấn so với cùng kỳ tăng 181.699 tấn

---

Giang Thành (5.210 ha), U Minh Thượng (136,6 ha), Châu Thành (130 ha), thành phố Rạch Giá (84 ha), Tân Hiệp (77 ha) và Giồng Riềng (22 ha).

<sup>3</sup> Năm 2024 là 395.109 tấn

<sup>4</sup> Đã tiến hành gọi điện, gửi giấy mời chủ tàu và gửi công văn đến Phòng Kinh tế/Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, thành phố hỗ trợ mời các chủ tàu, thuyền trưởng đến làm việc, đã mời làm việc được 147 lượt tàu, cụ thể: các trường hợp mất tín hiệu trên biển năm 2025 là 04/56 lượt tàu (giải tỏa 02 lượt tàu và đang làm việc 02 lượt tàu) các trường hợp mất tín hiệu trên biển năm 2024 là 143 lượt (39 tàu), lập 13 biên bản VPHC (13 tàu có 107 lượt tàu mất tín hiệu) chuyển Thanh tra Sở đã ban hành 11 quyết định xử phạt với số tiền 330.000.000 đồng và chuyển Sở Tư pháp thẩm định trình UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định xử phạt 02 tàu cá vi phạm về hành vi không thực hiện đúng quy định trong trường hợp thiết bị GSHT bị hỏng khi đang hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên. Lũy kế, đã làm việc được 09/80 lượt tàu (giải tỏa 07 lượt tàu và đang làm việc 02 lượt tàu). Từ đầu năm đến nay chủ yếu lập biên bản VPHC đối với các trường hợp mất tín hiệu năm 2024 là 11 tàu, chuyển Thanh tra Sở ban hành 11 quyết định xử phạt với số tiền 330.000.000 đồng đồng và chuyển Sở Tư pháp thẩm định trình UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định xử phạt 02 tàu cá.

<sup>5</sup> Đã mời các chủ tàu, thuyền trưởng đến làm việc, đã làm việc 01/03 tàu, kết quả chủ tàu đã bán tàu về Cà Mau có hợp đồng mua bán bằng giấy tay, đơn vị chuyên môn đã gửi công văn đến Chi cục Kiểm ngư Cà Mau hỗ trợ xử lý theo quy định.

- *Lâm nghiệp*: Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ rừng; tiến hành rà soát công bố hiện trạng rừng năm 2024. Tiếp tục triển khai thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy trong công tác phòng chống cháy rừng (PCCCR), đồng thời chỉ đạo đơn vị chuyên môn tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, tuần tra đảm bảo an toàn PCCCR. Trong Quý I xảy ra 04 vụ cháy rừng<sup>6</sup>, diện tích 16,88<sup>7</sup>, giảm 07 vụ so với cùng kỳ năm 2024, về diện tích thiệt hại giảm 179.111,12m<sup>2</sup>.

Đến nay toàn tỉnh có 116/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 32/116 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có 3 xã được công nhận đạt xã kiểu mẫu. Có 07 huyện, thành phố đạt nông thôn mới gồm huyện Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, Vĩnh Thuận, An Biên, Kiên Lương và thành phố Hà Tiên đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

*Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)*: Lũy kế đến nay toàn tỉnh hiện có 348 sản phẩm OCOP được công nhận và xếp hạng sao<sup>8</sup>.

*Về công tác phòng, chống thiên tai*: Tăng cường thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, phục phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh mùa khô năm 2024-2025. Tiếp tục vận hành đống, mở các cống tuyến đê biển Rạch Giá - Kiên Lương, An Biên - An Minh và tuyến đê bao Ô Môn - Xà No thuộc huyện Giồng Riềng, Gò Quao, các cống trên địa bàn thành phố Rạch Giá, huyện Châu Thành, U Minh Thượng để phục vụ sản xuất; triển khai vận hành hiệu quả Cống âu thuyền Vàm Bà Lịch trên địa bàn huyện Châu Thành để kiểm soát mặn, giữ ngọt mùa khô 2025<sup>9</sup>. Đến nay, không xảy ra thiếu nước trên địa bàn tỉnh.

**2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp**: Chỉ số phát triển công nghiệp tháng 3, giảm 22,8% so tháng trước, tăng 23,8% so với cùng kỳ. Lũy kế 03 tháng, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 12.407,35 tỷ đồng tăng 15,32% so cùng kỳ, bằng 19,18% so kế hoạch<sup>10</sup>. Hầu hết các sản phẩm công nghiệp chủ yếu đều có sản lượng tăng so với cùng kỳ. Trong đó, giày da tăng 23,90%, bột

<sup>6</sup> 03 vụ tại thành phố Phú Quốc, 01 vụ tại Giang Thành;

<sup>7</sup> Chủ yếu: Cây Tràm nước tái sinh, cây bụi, trảng cỏ xen lẫn Tràm bông vàng; Rừng Tràm trồng năm 2016, 2017,.... Hiện chưa xác định nguyên nhân vụ cháy, Chi cục Kiểm lâm đã chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm phối hợp cơ quan chức năng điều tra, xác định nguyên nhân cháy, đối tượng để xử lý theo quy định pháp luật.

<sup>8</sup> Trong đó: 06 sản phẩm 5 sao, 41 sản phẩm 4 sao (có 04 sản phẩm tiềm năng 5 sao quốc gia), 301 sản phẩm 3 sao. Tổng số có 181 chủ thể gồm: 45 doanh nghiệp, 29 hợp tác xã, 107 hộ kinh doanh.

<sup>9</sup> (Đợt 1: 13-15/01/2025; Đợt 2: 30/01/2025-01/02/2025).

<sup>10</sup> Trong đó, công nghiệp khai khoáng ước đạt 107,92 tỷ đồng tăng 25,33% so cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 11.877,51 tỷ đồng tăng 15,43% so cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện, khí đốt ước đạt 243,17 tỷ đồng tăng 14,19% so cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 178,72 tỷ đồng tăng 5,14% so cùng kỳ

cá tăng tăng 21,74%, tôm đông tăng 20,13%, khai thác đá tăng 30,62%, quần áo may sẵn tăng 7,36%, điện thương phẩm tăng 13,95%, ...

### 3. Thương mại - dịch vụ - du lịch:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt ước đạt 41.503 tỷ đồng, đạt 23,32% kế hoạch và tăng 15,64% so với cùng kỳ<sup>11</sup>.

- Tổng lượt khách đến tham quan du lịch trong tháng ước đón 3.133.534 lượt (tăng 13,7% so với cùng kỳ, đạt 28,4% kế hoạch năm), trong đó khách quốc tế ước đón 479.714 lượt (tăng 65% so với cùng kỳ, đạt 40% kế hoạch năm); tổng thu đạt 13.047 tỷ đồng (tăng 79,4% so với cùng kỳ, đạt 45,8% kế hoạch năm)<sup>12</sup>.

- Vận chuyển hành khách, lũy kế 03 tháng thực hiện đạt 19.684 ngàn lượt, đạt 25,8% so với kế hoạch, tăng 14% so cùng kỳ. Vận tải hàng hóa thực hiện đạt 4.730 ngàn tấn đạt 25,6% so với kế hoạch, tăng 23% so cùng kỳ.

### 4. Tài chính - ngân hàng:

- *Tài chính*: Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 4.298 tỷ đồng, đạt 28,6% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 24,6% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 14% so với cùng kỳ, tuy nhiên có một số khoản thu tăng so cùng kỳ<sup>13</sup>. Tổng chi ngân sách 03 tháng ước đạt 3.896,4 tỷ đồng, tăng 07% so với cùng kỳ, đạt 16,8% Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 15% so với dự toán HĐND tỉnh.

- *Hoạt động ngân hàng*: Vốn huy động tại địa phương ước đạt 82.600 tỷ đồng, tăng 1,07% so cuối năm 2024, tăng 10,94% so cùng kỳ. Doanh số giải ngân trong quý ước đạt 54.000 tỷ đồng (*trong đó, 81,5% phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh*), tăng 6,1% so cùng kỳ; dư nợ tín dụng (*tại địa bàn và ngoài địa bàn*) ước đạt 136.600 tỷ đồng, tăng 0,64% so cuối năm 2024, tăng 10,21% so cùng kỳ. Tiếp tục triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh.

<sup>11</sup> Trong đó: Bán lẻ hàng hóa đạt 25.374 tỷ đồng đạt 26,40% kế hoạch, tăng 14,74% so với cùng kỳ; lưu trú và ăn uống đạt 7.900 tỷ đồng đạt 21,35% kế hoạch, tăng 16,10% so với cùng kỳ; du lịch đạt 251 tỷ đồng đạt 27,91% kế hoạch, tăng 11,19% so với cùng kỳ; dịch vụ khác đạt 7.978 tỷ đồng đạt 18,13% kế hoạch, tăng 18,28% so với cùng kỳ.

<sup>12</sup> Quý I/2025, thành phố Phú Quốc ước đón 2.069.291 lượt khách (tăng 25,1% so với cùng kỳ, đạt 28,5% kế hoạch năm), khách quốc tế ước đón 474.468 lượt khách (tăng 66,5% so với cùng kỳ, đạt 40,3% kế hoạch năm), tổng thu đạt 10.656 tỷ đồng (tăng 74,8% so với cùng kỳ, đạt 45,3% kế hoạch năm).

<sup>13</sup> Thu từ doanh nghiệp Nhà nước Trung ương ước đạt 20,6% so dự toán, bằng 110,4% so cùng kỳ. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 25,1% so dự toán và bằng 110% so với cùng kỳ. Thu từ khu vực Công thương nghiệp ngoài quốc doanh ước đạt 28,7% so dự toán và bằng 150,9% so với cùng kỳ. Thu phí và lệ phí ước đạt 37,1% so với dự toán và bằng 12,9% so cùng kỳ, thu tiền sử dụng đất ước đạt 10,8% so dự toán, bằng 203,2% so cùng kỳ.

**5. Tình hình xuất nhập khẩu:** Đến Quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 203,64 triệu USD, đạt 19,03% kế hoạch và tăng 0,46% so với cùng kỳ<sup>14</sup>; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 37,38 triệu USD, đạt 16,59% kế hoạch năm và tăng 24,93% so với cùng kỳ. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: nguyên vật liệu giày da, thủy sản, thạch cao và hàng khác.

### **III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH**

Trong 03 tháng đầu năm, UBND tỉnh tiếp tục duy trì Tổ Công tác xử lý khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh, định kỳ hàng tháng tổ chức làm việc giải quyết khó khăn các dự án; tổ chức làm việc với các huyện, thành phố để đôn đốc thực hiện nhiệm vụ, cải cách hành chính nhất là cải cách thủ tục hành chính để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh của tỉnh. Nhờ đó, 03 tháng đầu năm 2025, tình hình đầu tư, sản xuất kinh doanh có nhiều khởi sắc:

#### **1. Tình hình thu hút đầu tư:**

Cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 02 dự án với tổng vốn đầu tư 31 tỷ đồng, diện tích 0,31 ha; cấp điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 22 dự án; chấm dứt hoạt động 04 dự án. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư 746 dự án cho nhà đầu tư, với tổng vốn đầu tư đạt 628.856 tỷ đồng. Đồng thời, rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung những điểm chông chéo, mâu thuẫn, đồng thời kiến nghị đề xuất bổ sung hướng dẫn quy định làm cơ sở triển khai thực hiện, nhằm thu hút, phát huy các nguồn lực, tiềm năng thế mạnh thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

#### **2. Tình hình đăng ký doanh nghiệp:**

Trong Quý I/2025, có 296 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.422,5 tỷ đồng, giảm 4% về số lượng và giảm 27% về số vốn so với cùng kỳ; đạt 20% về số lượng và đạt 12% về số vốn so với kế hoạch; có 236 lượt doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 20% so với cùng kỳ; 54 doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể tự nguyện, giảm 21% so với cùng kỳ; 646 lượt doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động có thời hạn, tăng 16% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 12.740 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 216.674,9 tỷ đồng. Tính đến tháng 03/2025, tỉnh Kiên Giang

<sup>14</sup> Gạo ước đạt 53,14 triệu USD đạt 16,50% kế hoạch, giảm 11,67% so với cùng kỳ; hải sản đạt 52,11 triệu USD đạt 21,10% kế hoạch, tăng 10,55% so với cùng kỳ; giày da đạt 55,01 triệu USD đạt 19,65% kế hoạch, tăng 2,57% so với cùng kỳ; hàng khác đạt 43,38 triệu USD đạt 19,63% kế hoạch, tăng 11,37% so với cùng kỳ



hiện đang dừng thứ 03 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long về số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới<sup>15</sup>, dừng thứ 5 về số vốn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới<sup>16</sup>.

### 3. Tình hình thực hiện đầu tư công:

Kế hoạch vốn năm 2025, UBND tỉnh Kiên Giang được Thủ tướng Chính phủ giao 8.617 tỷ đồng, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao 11.063 tỷ đồng (cao hơn 2.446 tỷ đồng), đến nay tỉnh đã hoàn thành phân bổ chi tiết 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025. Giá trị giải ngân đến 18/3/2025 là 523,4 tỷ đồng, đạt 6,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 4,73% kế hoạch HĐND tỉnh giao, thấp hơn 2,92% cùng kỳ năm 2024 so với Thủ tướng Chính phủ giao và thấp hơn về mặt giá trị số tiền 18,52 tỷ đồng.

### 4. Các Chương trình mục tiêu quốc gia

UBND tỉnh đã giao chi tiết từng danh mục dự án cho các sở, ban, ngành và địa phương số tiền 172.871 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch<sup>17</sup>; giải ngân đến ngày 18/3/2025 là 4.307 triệu đồng đạt 2,34% kế hoạch.

## IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NHÀ Ở XÃ HỘI, XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT

### 1. Về nhà ở xã hội

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện xây dựng nhà ở xã hội tại 02 dự án, gồm: Dự án Nhà ở xã hội Khu đô thị Tây Bắc, thành phố Rạch Giá<sup>18</sup> và Dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch Tràm, thành phố Phú Quốc<sup>19</sup>. Các chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội được hỗ trợ miễn giảm tiền sử dụng đất theo quy định. Về nhà ở công nhân có 03 dự án chưa triển khai, với tổng diện tích 159.87ha<sup>20</sup>.

Thực hiện Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 – 2030": Tỉnh Kiên Giang đăng ký nhu cầu 3.500 căn, trong đó giai đoạn 2022-2025 là 1.700 căn, hiện đã thực hiện đạt 1.011 căn, đạt 59,5% kế hoạch. Dự kiến

<sup>15</sup> Sau Long An với 470 doanh nghiệp, thành phố Cần Thơ 377 doanh nghiệp

<sup>16</sup> Sau Long An với tổng vốn là 5155,12 tỷ đồng, thành phố Cần Thơ với tổng vốn 1480,04 tỷ đồng, sau Hậu Giang với tổng vốn là 1975,49 tỷ đồng, sau Đồng Tháp với tổng vốn là 1855,23 tỷ đồng

<sup>17</sup> CTMTQG giảm nghèo bền vững: Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 14/01/2025; CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long: Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 14/01/2025; CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 26/02/2025.

<sup>18</sup> Diện tích đất: 70.466,09 m<sup>2</sup>, quy mô 1.011 căn nhà ở xã hội liền kề thấp tầng, diện tích sàn xây dựng bình quân: 140,28 m<sup>2</sup>/căn

<sup>19</sup> Diện tích đất: 25.014,64 m<sup>2</sup>, quy mô 294 căn nhà ở xã hội liền kề thấp tầng, diện tích đất: 30.701,22 m<sup>2</sup>, quy mô 1.264 căn nhà ở xã hội chung cư

<sup>20</sup> Khu dân cư - Tái định cư Xẻo Rô với quy mô diện tích đất 30,03 ha; Khu dân cư - Tái định cư Thạnh Lộc với quy mô diện tích đất 60,43 ha; Khu dịch vụ - Thương mại Xẻo Rô với quy mô diện tích đất 69,41 ha

đến hết năm 2025, sẽ tổ chức khởi công 2.406 căn, lũy kế hoàn thành, bàn giao 1.345 căn, đạt 79% kế hoạch giai đoạn 2022-2025.

## **2. Về xóa nhà tạm, nhà dột nát**

Qua rà soát trên địa bàn tỉnh, 2.799 căn nhà tạm, nhà dột nát có nhu cầu hỗ trợ, trong đó 2.314 căn cần hỗ trợ cất mới (989 căn hộ nghèo, 1.325 căn hộ cận nghèo), 485 căn cần sửa chữa (326 hộ nghèo, 132 hộ cận nghèo) với giá trị mỗi căn xây mới là 60 triệu đồng và sửa chữa là 30 triệu đồng, tổng kinh phí để hoàn thành là 153,39 tỷ đồng.

Đến hết ngày 18/3/2025, tỉnh đã tiếp nhận 101,4 tỷ đồng; khối lượng giải ngân là 64,38 tỷ đồng, đạt 63,49% kế hoạch, trong đó: đã hoàn thành bàn giao 659 căn xây dựng mới, 115 căn sửa chữa; hiện đã khởi công xây mới 513 căn, sửa chữa 214 căn.

Hiện nay, tỉnh đang tiếp huy động thêm phần kinh phí còn lại (51,99 tỷ đồng), phấn đấu đến ngày 30/6/2025 hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

## **V. CÁC DỰ ÁN ĐANG TỒN ĐỘNG, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

Qua rà soát, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang vẫn còn các dự án khó khăn, vướng mắc thuộc 04 nhóm vấn đề, cụ thể như sau:

1. Chuyển tiếp giữa quy định cũ và quy định mới.
2. Dự án vướng mắc các quy định về giao khu vực biển.
3. Các Dự án liên quan thủ tục đất đai trên địa bàn thành phố Phú Quốc do cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch.
4. Việc xác định thẩm quyền và trình tự thực hiện dự án Khu đô thị, khu dân cư

*(Chi tiết danh mục các dự án vướng mắc kèm theo)*

## **VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 03 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang phát triển ổn định. Công tác kiểm soát, phòng chống hạn mặn và điều tiết nguồn nước được thực hiện tốt để bảo vệ và phục vụ cho sản xuất; tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản được kiểm soát, không để phát sinh dịch bệnh nghiêm trọng; vụ lúa Mùa đã thu hoạch 100% diện tích, ước sản lượng tăng 5,9% kế hoạch và tăng 8,6% so cùng kỳ; vụ lúa Đông Xuân diện tích gieo trồng vượt 0,27% kế hoạch; chăn nuôi ổn định, dịch bệnh ít xảy ra và không có dịch lây lan ở diện rộng, giá heo hơi tăng nên nhiều hộ chăn nuôi đã mở rộng quy mô. Tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều khởi sắc, môi trường

đầu tư, kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp hoạt động trở lại tăng 20% so với cùng kỳ, doanh nghiệp giải thể giảm 21% so với cùng kỳ, tỷ lệ đăng ký qua mạng tăng 17% so với cùng kỳ, đạt 100% đăng ký qua mạng. Hoạt động sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ. Một số sản phẩm công nghiệp có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ<sup>21</sup>.

Tuy nhiên, một số ngành sản xuất gặp khó khăn do giá đầu vào tăng cao và thị trường tiêu thụ chậm, dẫn đến sản lượng sụt giảm so với cùng kỳ, điển hình là gạch các loại giảm 23,52%. Thời tiết diễn biến bất thường, mưa trái mùa ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và thủy sản; giá lúa nguyên liệu tiếp tục thiếu ổn định và có xu hướng giảm; sản lượng khai thác thủy sản giảm so với tháng trước và cùng kỳ do phần lớn tàu thuyền nghỉ Tết Nguyên đán; diện tích lúa nhiễm sâu, bệnh tăng so với cùng kỳ; chăn nuôi trang trại chưa mở rộng do vị trí đất nằm ngoài vùng quy hoạch chăn nuôi tập trung của địa phương. Phát triển mới doanh nghiệp gặp khó khăn khi số doanh nghiệp đăng ký thành lập giảm 4% về số lượng và giảm 27% về số vốn so với cùng kỳ; số doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động tăng 16% so với cùng kỳ.

## VII. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TỪ NAY ĐẾN CUỐI NĂM 2025

1. Tập trung triển khai cụ thể hoá Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 60-Ctr/TU ngày 15/10/2024 thực hiện Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, hoàn thiện công tác lập và triển khai kế hoạch đồng bộ các hệ thống quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành làm cơ sở phát huy sức mạnh toàn dân, huy động tối đa mọi nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng thế mạnh của tỉnh, nhất là kinh tế biển và du lịch.

2. Tập trung đẩy mạnh các giải pháp thúc đẩy tình hình sản xuất kinh doanh, triển khai nhanh các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nâng cao giá trị sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ gắn với vùng nguyên liệu sản xuất chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tiếp tục cải thiện hình ảnh của tỉnh với nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu nông, thủy sản trên địa bàn tỉnh; triển khai các giải

<sup>21</sup> Cá hộp tăng 37,01%, tôm đông tăng 69,61%, xi măng tăng 70,62%, clinker tăng 27,73%, giấy da tăng 39,21%, bột cá tăng 36,65%, điện thương phẩm tăng 24,34%, mực đông tăng 49,56%, nước đá tăng 17,09%, gỗ MDF tăng 9,05%, khách du lịch tăng cao, đặc biệt là lượng khách quốc tế ...

pháp, chương trình kích cầu du lịch, phát triển sản phẩm du lịch đặc thù gắn với xây dựng thương hiệu riêng cho các khu, điểm du lịch; hình thành, phát triển các tour du lịch mới kết nối Kiên Giang với các tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế.

4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông. Tăng cường liên kết vùng, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh uỷ về Nghị quyết số 13-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, thông tin truyền thông.

6. Phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển đảo.

## **VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Kiến nghị Chính phủ**

(i) Sớm ban hành Nghị định chi tiết Luật Đầu tư công năm 2024 để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện<sup>22</sup>.

(ii) Xem xét, bổ sung quy định, quy trình và hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án nuôi biển. Tỉnh Kiên Giang có nhiều tiềm năng, lợi thế về kinh tế biển, trong đó nhu cầu đầu tư về nuôi biển là rất lớn. Căn cứ khoản 4 Điều 1 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 và khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 thì dự án nuôi biển không thuộc trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định, hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án nuôi biển.

2. Thời gian qua, công tác cải cách hành chính được Trung ương, Chính phủ quan tâm triển khai quyết liệt, nhiều thủ tục được xem xét cắt giảm, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, các doanh nghiệp, nhà

<sup>22</sup> Theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2024, Chính phủ quy định trình tự, thủ tục tại khoản 6, Điều 5; điểm d, khoản 2, Điều 6; khoản 2, Điều 8; khoản 12 Điều 18.

đầu tư vẫn còn mất nhiều thời gian cho công tác chuẩn bị đầu tư dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách (sau khi dự án được cấp chủ trương đầu tư), cụ thể: Thực hiện hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng, thủ tục giao đất cho thuê đất (công tác xác định giá giao đất cho thuê đất, công tác xác định giá và tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng mất nhiều thời gian, nhiều đơn vị tư vấn không dám ký hợp đồng xác định giá đất, do sợ trách nhiệm), phương án cải tạo tầng đất mặt (mới phát sinh), phòng cháy chữa cháy, môi trường, thẩm định thiết kế cơ sở, xin phép xây dựng,.....

**Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ** chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư để giảm chi phí, thời gian, sớm đưa dự án đi vào hoạt động, sản xuất.

### **3. Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường:**

(i) Sớm tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản; trong đó quan tâm quy định chính sách hỗ trợ đối với người dân, doanh nghiệp nuôi biển xa bờ và đối tượng chuyên đổi từ nghề khai thác thủy sản sang nuôi biển, hoặc chuyển đổi từ bè lồng nuôi truyền thống (kết cấu gỗ) sang lồng bè nhựa HDPE,...

(ii) Về mức thu bổ sung 5,4%/năm theo khoản 9 Điều 51 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP: Hiện nay, quy định yêu cầu người sử dụng đất phải nộp bổ sung khoản tiền đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo mức thu 5,4%/năm tính trên số tiền thuê đất phải nộp. Tuy nhiên, có một số vấn đề chưa hợp lý, cụ thể:

Theo quy định, thời gian xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là 180 ngày kể từ thời điểm định giá đất. Tuy nhiên, quy định hiện hành lại tính cả khoảng thời gian này vào thời gian chưa nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để áp dụng mức thu bổ sung 5,4%/năm. Điều này là chưa hợp lý vì việc định giá đất do cơ quan nhà nước thực hiện, không phải lỗi của người sử dụng đất. Ngoài ra, quy định hiện hành tính khoản thu bổ sung dựa trên toàn bộ số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, mà không tính đến các khoản ưu đãi đầu tư hoặc khoản tiền nhà đầu tư đã ứng trước để bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Điều này có thể gây bất lợi cho nhà đầu tư. Kiến nghị xem xét sửa đổi: Thời gian chưa tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (theo điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024) chỉ được tính sau khi kết thúc 180 ngày kể từ thời điểm định giá đất. Điều này nhằm tránh việc người sử dụng đất phải chịu thêm khoản thu bổ sung không

hợp lý do thời gian định giá đất kéo dài. Đồng thời, số tiền nộp bổ sung chỉ được tính trên số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sau khi đã trừ các khoản ưu đãi đầu tư và khoản tiền nhà đầu tư đã ứng trước để bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

(iii) Về xác định giá đất trong trường hợp miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: Theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai 2024, đối với các trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn. Tuy nhiên, khi một dự án được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất một số năm, chưa có văn bản hướng dẫn rõ ràng về việc xác định giá đất cụ thể. Ví dụ: một dự án có thời gian thuê đất 50 năm, trong đó được miễn 10 năm, thì việc xác định giá đất cụ thể nên được tính cho toàn bộ 50 năm hay chỉ tính cho 40 năm còn lại (sau khi trừ phần miễn giảm)? Việc này ảnh hưởng đến phương pháp xác định nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư. Kiến nghị bổ sung quy định: Làm rõ nguyên tắc xác định giá đất đối với các dự án có thời gian miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, để đảm bảo tính thống nhất trong thực hiện. Ngoài ra, hiện nay chưa rõ thời điểm nào là thời điểm quyết định việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Một số vấn đề cần làm rõ bao gồm: Việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất có được ghi trực tiếp trong quyết định giao đất, cho thuê đất hay phải có văn bản riêng? Đối với các trường hợp được miễn tiền thuê đất trong một số năm (như miễn tiền trong thời gian xây dựng cơ bản hoặc miễn tiền tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), việc xác định miễn tiền sẽ được thực hiện vào thời điểm nào: tại thời điểm giao đất, cho thuê đất; tại thời điểm xác định giá đất; hay tại thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất? Cơ quan nào chịu trách nhiệm xác định và thực hiện việc miễn tiền thuê đất?

(iv) Về trách nhiệm xác định miễn tiền thuê đất: Trước đây, việc miễn, giảm tiền thuê đất thuộc trách nhiệm của ngành thuế. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, Tổng cục Thuế đã có văn bản gửi các địa phương xác định rằng việc miễn tiền thuê đất không còn thuộc trách nhiệm của ngành thuế. Trong khi đó, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP lại không quy định rõ cơ quan nào chịu trách nhiệm xác định việc miễn tiền thuê đất, dẫn đến lúng túng trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, Luật Đất đai 2024 quy định rằng đối với các trường hợp được miễn tiền thuê đất, không cần thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, theo Luật Đầu tư 2020, các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, bao gồm cả dự án sử dụng đất thương mại, dịch vụ, đều được miễn tiền thuê đất. Điều này đặt ra vấn đề: Các dự án

được miễn tiền thuê đất trong một số năm (ví dụ miễn trong thời gian xây dựng cơ bản) có cần thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hay không? Việc miễn tiền thuê đất có áp dụng cho tất cả các loại đất hay có trường hợp ngoại lệ, đặc biệt đối với đất ở thương mại và đất thương mại, dịch vụ?. Do đó, kiến nghị bổ sung quy định cụ thể trách nhiệm cơ quan nào xác định việc miễn tiền thuê đất và quy định cụ thể đối với các dự án được miễn tiền thuê đất có thời hạn (trong đó có miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản) có được cho thuê đất không thông qua đấu giá hay không.

(v) Kiến nghị điều chỉnh biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình xây dựng trước thời hiệu của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, ngày 11/9/2024 của Chính phủ

Thực hiện hình thức phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 31/2023/NĐ-CP ngày 09/6/2023 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt là rất khó khả thi. Cụ thể, Điểm b Khoản 4 Điều 20 của Nghị định quy định: “Buộc thực hiện bóc riêng tầng đất mặt theo phương án sử dụng tầng đất mặt đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này”. Tuy nhiên, đối với những công trình đã xây dựng trước thời hiệu của Nghị định 112/2024, việc tháo dỡ để bóc tách tầng đất mặt là gây lãng phí do giá trị công trình cao hơn nhiều lần so với tầng đất mặt. Ví dụ, với diện tích 100 m<sup>2</sup>, lượng tầng đất mặt bóc tách chỉ khoảng 20 m<sup>3</sup> nhưng có thể phải tháo dỡ công trình có giá trị lớn gấp nhiều lần.

*Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường* tham mưu Chính phủ điều chỉnh biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình đã xây dựng trước thời hiệu của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP theo hướng: (1) Cho phép quy đổi giá trị khối lượng tầng đất mặt thành tiền để tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính thay vì bắt buộc bóc tách. (2) Nguồn kinh phí thu được sẽ phục vụ cải tạo, phục hồi đất nông nghiệp, đảm bảo không gây thất thoát tài nguyên đất.

**4. Kiến nghị Bộ Tài chính** nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2025 của Bộ Tài chính<sup>23</sup> theo hướng cho phép chi hỗ trợ làm nhà cho “người cận nghèo” từ nguồn Xổ số kiến thiết. Theo quy định

<sup>23</sup> Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính

tại tiểu mục 2.25; mục 2, Điều 3 Thông tư số 96/2015/TT-BTC nêu trên chỉ quy định cho đối tượng "người nghèo".

5. UBND tỉnh Kiên Giang *tiếp tục kiến nghị Đoàn công tác có ý kiến với Bộ Khoa học và Công nghệ* sớm phản hồi đối với kiến nghị về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại Báo cáo số 645/BC-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh để tỉnh có cơ sở triển khai các thủ tục theo quy định.

6. *Kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng* xem xét, có ý kiến hướng dẫn việc tháo gỡ khó khăn cho các dự án còn khó khăn, vướng mắc tại mục V, Báo cáo này, đề địa phương có cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, UBND tỉnh kính gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ./ *me*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Kiên Giang;
- Vụ QHĐP – Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, dxhoang "HT".

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nhân**





## DANH MỤC

khó khăn, vướng mắc dự án đầu tư ngoài ngân sách  
theo Báo cáo số 117/BC-UBND ngày 19/3/2025  
của UBND tỉnh Kiên Giang)

### NHÓM 1. VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN CHUYỂN TIẾP GIỮA QUY ĐỊNH CŨ VÀ QUY ĐỊNH MỚI:

I Dự án Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng tại xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

1.1. Những khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân; thẩm quyền giải quyết và đề xuất kiến nghị

1. **Khó khăn, vướng mắc:** Chưa ký đàm phán, ký hợp đồng triển khai Dự án Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng tại xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2. **Nguyên nhân:** Theo quy định chuyển tiếp tại điểm b Khoản 1 Điều 73 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất "1. Quy định chuyển tiếp đối với dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 30/2015/NĐ-CP) "b) Đối với dự án đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo quy định của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP nhưng đến ngày 01 tháng 8 năm 2024 chưa có nhà đầu tư nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thì dừng việc lựa chọn nhà đầu tư".

Trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất thực hiện dự án vào ngày 05/8/2024 (sau ngày 01/8/2024), do đó, áp dụng quy định chuyển tiếp tại điểm b khoản 1 Điều 73 và phải dừng lựa chọn nhà đầu tư.

Theo đó, tại **điểm b khoản 1 Điều 73** quy định chuyển tiếp Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ không quy định thời gian nhận hồ sơ dự thầu và hồ sơ đề xuất kể từ ngày nghị định này có hiệu lực mà còn quy định thời gian trước đây (thời gian ngược "ngày 01/8/2024) trong khi nghị định này có hiệu lực ngày 16/9/2024. Dẫn đến khó khăn trong việc xác định áp dụng điều khoản chuyển tiếp đối với các dự án nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất sau ngày 01/8/2024 và đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày nghị định có hiệu lực (ngày 16/9/2024).

Tiếp theo quy định Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15.

Tại khoản 3 Điều 1 Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 255 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định: “10. Các dự án đầu tư thuộc trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai số 45/2013/QH13, pháp luật có liên quan và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất mà chưa được giao đất, cho thuê đất thì được tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo trong trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất để giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư, chủ đầu tư theo quy định của Luật này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây “b) Dự án mà nhà đầu tư đã nộp hồ sơ hợp lệ để thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, chủ đầu tư trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 và đã lựa chọn được nhà đầu tư, chủ đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Việc lựa chọn nhà đầu tư, chủ đầu tư đối với dự án quy định tại điểm này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở, pháp luật về đấu thầu có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.”.

**3. Các nội dung đề xuất, kiến nghị cụ thể đối với: Quốc hội; Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ; các bộ, ngành:**

Kiến nghị Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ, xem xét, tháo gỡ khó khăn dự án nêu trên.

Đề xuất Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ cho phép Dự án Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng tại xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tiếp tục triển khai ký đàm phán và ký hợp đồng thực hiện dự án.

## **II. Chuyên tiếp Luật Đầu tư năm 2014, 2024.**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn một số dự án có chủ trương đầu tư từ năm 2014, nhưng đến nay chưa được quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014, 2024; Nhà đầu tư đã thực hiện thủ tục đầu tư (*quy hoạch chi tiết, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, giải phóng mặt bằng, ...*). Tuy nhiên, điều khoản chuyển tiếp các Luật Đầu tư năm 2014, 2024 chưa có quy định; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc*) đã có văn bản đề nghị Bộ Tài chính (*nay là Bộ Tài chính*) hướng dẫn nhưng không xác định được hướng giải quyết.

Do đó, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyền xem xét.

**NHÓM 2: DỰ ÁN VƯỚNG MẮC CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIAO KHU VỰC BIỂN:**

**I. Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn.**

**II.1 Khó khăn, vướng mắc:**

**1. Khó khăn, vướng mắc:** Dự án chưa được triển khai do chưa giao khu vực biển cho Công ty.

**2. Nguyên nhân:** Ngày 20/8/2021, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 2044/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, việc xác định

và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm trên địa bàn huyện Kiên Hải chưa có quy định, nên chưa có cơ sở xác định ranh giới, phạm vi giao khu vực biển cho Công ty thực hiện dự án.

**3. Đề xuất, kiến nghị:** Quốc hội; Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ; các bộ, ngành: Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để làm cơ sở xác định ranh giới, phạm vi giao khu vực biển cho Công ty thực hiện dự án.

### **NHÓM 3: CÁC DỰ ÁN LIÊN QUAN VỀ QUY HOẠCH, THỦ TỤC ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC:**

#### **III. Các dự án liên quan về quy hoạch, thủ tục đất đai trên địa bàn thành phố Phú Quốc (190 dự án):**

Thời gian qua, Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc cấp nhiều chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện dự án, trong đó có 190 dự án còn vướng mắc, khó khăn về quy hoạch, thủ tục đất đai.

##### **III.1 Khó khăn, vướng mắc:**

**1. Nguyên nhân khó khăn, vướng mắc:** Theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, đã thay đổi chức năng sử dụng đất dẫn đến mục tiêu đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của một số dự án thay đổi, cụ thể:

(1) Từ đất dịch vụ du lịch thành khu đất đô thị du lịch hỗn hợp phát triển mới, đất dịch vụ du lịch; Khu đất đô thị du lịch hỗn hợp phát triển mới, mật độ cao, khu đất hỗn hợp hiện trạng cải tạo, chỉnh trang; Khu đất đô thị sinh thái, mật độ thấp, khu đất cây xanh cảnh quan, công viên, quảng trường, không gian mở công cộng.

(2) Từ đất ở nông thôn, đất ở mật độ thấp, đất ở mật độ cao thành khu đất đô thị du lịch hỗn hợp phát triển mới; khu đất hỗn hợp hiện trạng cải tạo, chỉnh trang; Khu đất đô thị du lịch hỗn hợp phát triển mới, mật độ cao, khu đất dịch vụ công cộng.

Hiện nay, đang tổ chức lập 20 Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cho phù hợp với Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040. Mặt khác, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Xây dựng liên quan đến trường hợp thu hồi đất theo Khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai 2024.

Do đó, chưa có cơ sở xác định chính xác các trường hợp: không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 hoặc thuộc trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế-xã hội thông qua thoả thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất theo Điều 127 Luật Đất đai năm 2024.

## 2. Kiến nghị:

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Xây dựng sớm có văn bản hướng dẫn liên quan đến trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng theo khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai 2024: “(27) Thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; dự án khu dân cư nông thôn”.

- Đối với các dự án không phù hợp với Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040; Đối với các dự án phù hợp với Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và không thuộc trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai 2024. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ, ngành Trung ương sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể nội dung trên.

## IV. NHÓM 4 VIỆC XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ:

(1) Dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu dân cư lấn biển Trần Quang Khải)

(2) Dự án Khu đô thị Phú Cường Phú Quý (Dự án lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi)

### 1. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

- Dự án thuộc trường hợp được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư 2014. Dự án đã được Sở Xây dựng có ý kiến thẩm định theo quy định khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định chủ trương đầu tư là đúng theo thẩm quyền theo quy định và trình tự thực hiện<sup>1</sup>.

### 2. Về việc không thực hiện đấu giá đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

- Khu vực thực hiện dự án có hiện trạng là mặt nước biển, chưa hình thành quỹ đất, không đủ cơ sở để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất<sup>2</sup>.

Đồng thời, tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư, chỉ có 01 (một) nhà đầu tư (Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang) đăng ký thực hiện dự án. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định chọn Công ty Cổ phần

<sup>1</sup> Theo quy định tại khoản 2, Điều 170 của Luật Nhà ở.

<sup>2</sup> Theo quy định Nghị định 30/2015/NĐ-CP, trường hợp đấu thầu các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao....

Đầu tư Phú Cường Kiên Giang là nhà đầu tư không thông qua đấu giá là đúng quy định<sup>3</sup>.

- Về việc điều chỉnh pháp nhân thực hiện dự án không thông qua đấu giá, năm 2021, Công ty CPĐT Phú Cường Kiên Giang thành lập Công ty TNHH MTV Phú Cường Hoàng Gia (100% vốn thuộc Công ty CPĐT Phú Cường Kiên Giang) để quản lý, triển khai đầu tư, xây dựng,... các dự án phù hợp theo quy định tại Điều 38 Nghị định 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính Phủ, không phải thực hiện đấu thầu chọn nhà đầu tư.

Việc thành lập công ty con để quản lý, triển khai đầu tư, xây dựng,... các dự án không làm mất đi quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trong thực hiện các dự án đầu tư.

### 3. Về năng lực tài chính trong thực hiện các dự án đầu tư.

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang, tại thời điểm quyết định chủ trương đầu tư (tháng 5 năm 2019), Công ty đang thực hiện 04 dự án<sup>4</sup>, với tổng vốn đầu tư là 4.154,31 tỷ đồng. Yêu cầu vốn chủ sở hữu tối thiểu đảm bảo năng lực tài chính thực hiện dự án theo quy định là 646,4 tỷ đồng<sup>5</sup>.

Theo Báo cáo tài chính năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty CPĐT Phú Cường Kiên Giang là hơn 537 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường có Văn bản số 19/2019/CKTC ngày 20/5/2019 cam kết tăng vốn chủ sở hữu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang với số vốn 150 tỷ đồng. Như vậy, năng lực tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang là 687 tỷ đồng, đáp ứng điều kiện vốn chủ sở hữu tối thiểu theo quy định, đảm bảo năng lực tài chính thực hiện dự án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư<sup>6</sup>.

- Đối với Công ty TNHH MTV Phú Cường Hoàng Gia, Công ty có vốn điều lệ 116 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang (là Công ty mẹ) có cam kết hỗ trợ vốn<sup>7</sup> 228 tỷ đồng (Hai trăm hai mươi tám tỷ đồng). Như vậy, năng lực tài chính của Công ty TNHH MTV Phú Cường Hoàng

<sup>3</sup> tại Điểm a, khoản 4 Điều 22 Luật Đấu thầu năm 2014 quy định: “Chi định thầu đối với nhà đầu tư được áp dụng trong các trường hợp, chỉ có một nhà đầu tư đăng ký thực hiện”.

<sup>4</sup> Dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia, vốn đầu tư là 1.516,31 tỷ đồng; Dự án đầu tư Quần thể Quảng trường Biển và khách sạn Phú Gia, vốn đầu tư 383 tỷ đồng; Dự án đầu tư Chợ An Hòa, vốn đầu tư 83 tỷ đồng; Dự án đầu tư Khu đô thị Phú Quý, vốn đầu tư khoảng 2.172 tỷ đồng.

<sup>5</sup> Dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia là 227,4 tỷ đồng (15%); Dự án đầu tư Quần thể Quảng trường Biển và khách sạn Phú Gia là 76,6 tỷ đồng (20%); Dự án đầu tư Chợ An Hòa là 16,6 tỷ đồng (20%); Dự án đầu tư Khu đô thị Phú Quý là 325,8 tỷ đồng (15%).

<sup>6</sup> c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

<sup>7</sup> Văn bản Cam kết Tài chính số 03/2020/CKTC ngày 19/8/2020, hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Phú Cường Hoàng Gia với số tiền 228.000.000.000 VNĐ (Hai trăm hai mươi tám tỷ đồng).

Gia là 344 tỷ đồng, đáp ứng điều kiện vốn chủ sở hữu tối thiểu 15% theo quy định<sup>8</sup>, đảm bảo năng lực tài chính thực hiện dự án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư<sup>6</sup>./.

---

<sup>8</sup> tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.